BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤC VỤ MẶT ĐẤT SÀI GÒN
Năm 2015

I. Thông tin chung

1. *Thông tin khái quát*

- Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤC VỤ MẶT ĐẤT SÀI GÒN
- Tên tiếng Anh: Saigon Ground Services Joint Stock Company
- Tên viết tắt : SAGS
- Logo :

SAGS

- Vốn điều lệ đăng ký : 140.508.000.000 đồng
- **Vốn điều lệ thực góp: 140.508.000.000 đồng**
- Trụ sở chính : 58 Trường Sơn, Phường 02, Quận Tân Bình, TP.HCM
- Địa chỉ giao dịch: Lầu 02, Tòa nhà Cảng Hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM.
- Điện thoại : (08) 3848 5383 Fax: (08) 3848 9324
- Website : www.sags.vn
- Người đại diện theo Pháp luật của công ty: Ông Nguyễn Đình Hùng

  Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
- Mã cổ phiếu (nếu có): SGN
- Giấy CNĐKKD: 0312610240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp lần đầu ngày 06/01/2014, cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 15/05/2015.

2. *Quá trình hình thành và phát triển*

- Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn được thành lập theo Quyết định số 3005/QĐ-CHK ngày 30/12/2004 của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, chuyển đổi từ Trung tâm dịch vụ Hàng không thành Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn, một đơn vị thành viên thuộc Cụm Cảng Hàng không miền Nam. Chức năng chính của Công ty là cung cấp các loại hình dịch vụ phục vụ mặt đất theo tiêu chuẩn của Hiệp hội vận tải Hàng không quốc tế (IATA) và của các hãng Hàng không.

- Năm 2008, thực hiện cơ chế đổi mới quản lý lần thứ nhất; Cụm Cảng Hàng không miền Nam chuyển đổi từ đơn vị quản lý nhà nước sang mô hình Tổng công ty nhà nước, Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn được thành lập lại theo Quyết định số 002/QĐ-TCTCHKMN ngày 16/5/2008 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cảng Hàng không Miền Nam, là đơn vị hạch toán phụ thuộc trực thuộc Tổng công ty.

- Năm 2010, thực hiện cơ chế đổi mới quản lý lần thứ hai, Công ty được thành lập lại theo Quyết định số 55/QĐ-TCTCHKMN ngày 15/09/2010 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty Cảng Hàng không Miền Nam, là đơn vị hạch toán phụ thuộc trực thuộc Công ty mẹ - Tổng Công ty Cảng Hàng không Miền Nam.

- Năm 2012, thực hiện chủ trương, chính sách đổi mới cơ chế quản lý của Nhà nước và Bộ Giao thông Vận tải; Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam (ACV) được thành lập trên cơ sở hợp nhất 3 Tổng công ty Cảng Hàng không miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn là đơn vị hạch toán phụ thuộc, trực thuộc Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam được thành lập lại theo Quyết định số 138/QĐ-HĐTV, ngày 24/04/2012 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam; chịu sự quản lý, điều hành trực tiếp và toàn diện của Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam.

- Năm 2013, Quyết định số 530/QĐ-HĐTV ngày 30/10/2013 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam, quyết định chuyển Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

- Ngày 06/01/2014, Công ty TNHH một thành viên Phục vụ Mặt đất Sài Gòn chính thức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312610240 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngày 30/10/2014, Bộ Giao thông Vận tải đã có Quyết định số 4127/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam thành công ty cổ phần.

- Ngày 22/12/2014, Bộ Giao thông Vận tải đã có Quyết định số 4851/QĐ-BGTVT về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để chuyển Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam thành công ty cổ phần.

- Ngày 31/12/2014, Công ty hoàn thành việc cổ phần hóa và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 01/01/2015 với tên gọi: Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312610240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Vốn

điều lệ tại thời điểm chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần là 140.508.000.000 đồng.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

STT	Ngành nghề kinh doanh
1	Khai thác kết cấu hạ tầng, trang thiết bị của Cảng Hàng không, sân bay;
2	Cung ứng dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị Hàng không và trang thiết bị kỹ thuật khác;
3	Cung ứng các dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất;
4	Cung ứng các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa, dịch vụ thương mại;
5	Dịch vụ đại lý cho các hãng Hàng không, các công ty vận tải, du lịch, các nhà sản xuất cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành Hàng không;
6	Cung cứng các dịch vụ phục vụ sân đỗ máy bay tại các cảng Hàng không, sân bay và các dịch vụ Hàng không;

Sản phẩm, dịch vụ chính:

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm 02 mảng chính: Dịch vụ Hàng không và dịch vụ phi Hàng không.

- **Dịch vụ Hàng không:**

- *Dịch vụ thủ tục Hàng không*: Gồm các loại hình phục vụ hành khách tại nhà ga quốc nội và nhà ga quốc tế Cảng Hàng không Tân Sơn Nhất:

✓ Dịch vụ thủ tục Hàng không cho khách đi, đến và chuyển tiếp.
✓ Dịch vụ thu tiền hành lý quá cước và bán vé giờ chót tại sân bay
✓ Dịch vụ kiểm soát, hướng dẫn hành khách tại cửa khởi hành.

- *Dịch vụ hành lý:*

✓ Dịch vụ hành lý đi, đến và chuyển tiếp.
✓ Dịch vụ hành lý thất lạc.

- *Dịch vụ kỹ thuật sân đỗ máy bay:* Gồm dịch vụ tại khu vực sân đỗ máy bay Cảng Hàng không Tân Sơn Nhất.

✓ Dịch vụ bốc dỡ, chất xếp và vận chuyển hành lý, hàng hóa, bưu kiện từ máy bay đến nhà ga hành khách/hàng hóa bằng trang thiết bị chuyên dùng.

✓ Dịch vụ điều phối chuyến bay.

✓ Dịch vụ cân bằng trọng tải chuyến bay.

✓ Dịch vụ hướng dẫn chất xếp chuyến bay.

✓ Dịch vụ chuyên chở hành khách, tổ bay từ máy bay đến nhà ga.

- **Dịch vụ phi Hàng không:**

✓ Dịch vụ huấn luyện, đào tạo chuyên ngành.

✓ Dịch vụ phục vụ khách VIP, F, C

✓ Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị chuyên ngành.

✓ Dịch vụ công nghệ thông tin chuyên ngành.

✓ Dịch vụ phi Hàng không khác.

Địa bàn kinh doanh: Văn phòng Công ty tại Cảng Hàng Không Quốc tế Tân Sơn Nhất và Chi nhánh tại Cảng Hàng Không Quốc tế Đà Nẵng.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

SƠ ĐỒ 1: CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤC VỤ MẶT ĐẤT SÀI GÒN

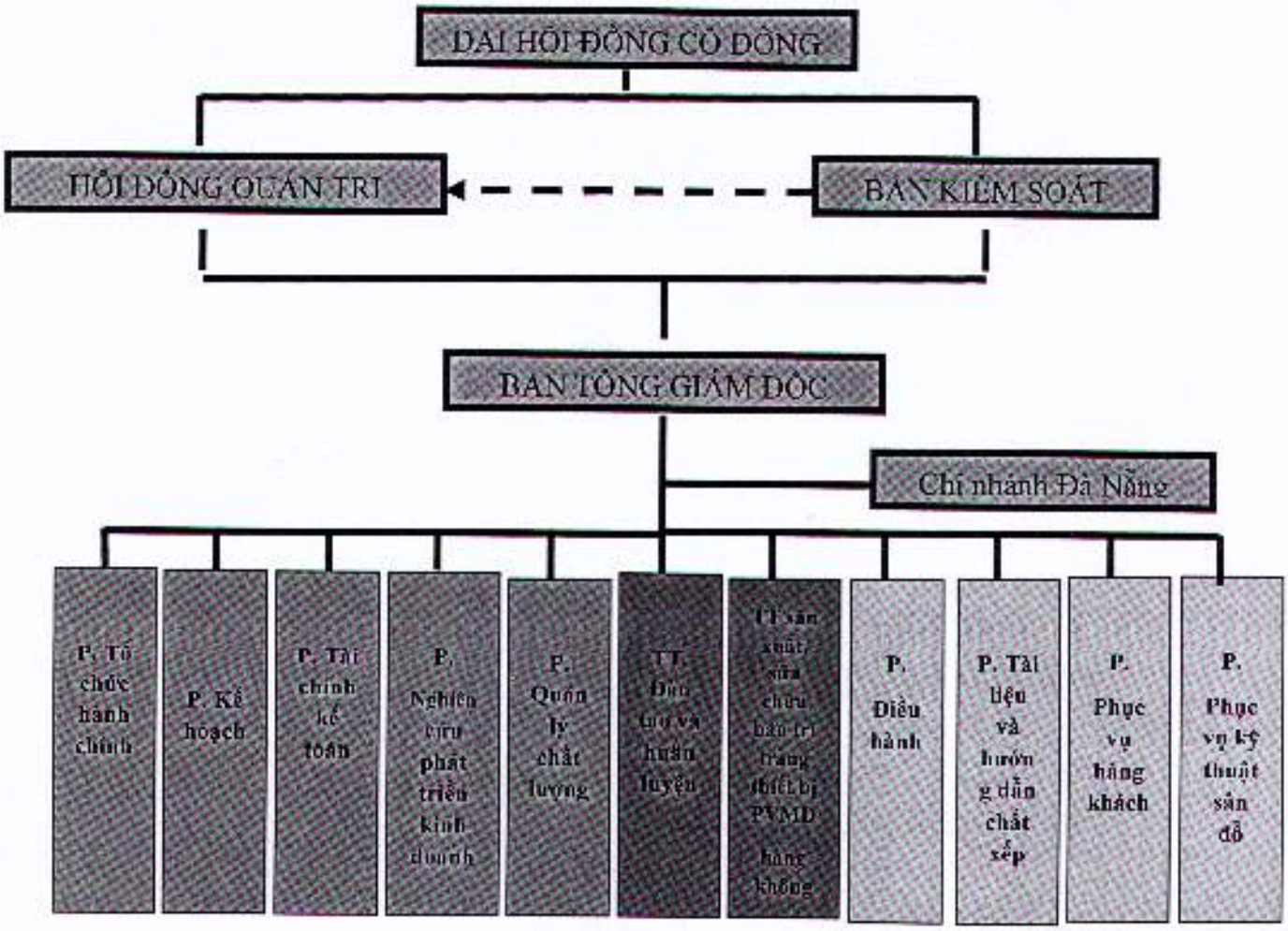

Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của công ty cổ phần, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ công ty cổ phần quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của công ty cổ phần và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của công ty cổ phần.

Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý công ty cổ phần, có toàn quyền nhân danh công ty cổ phần để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty cổ phần, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp và điều lệ công ty cổ phần, các quy chế nội bộ của công ty cổ phần và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn gồm 5 thành viên:

Bảng 1: Danh sách Hội đồng quản trị

Stt	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Đình Hùng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Lưu Quang Lãm	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên	Thành viên HĐQT
4	Bà Lê Thị Diệu Thúy	Thành viên HĐQT
5	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT

Ban Kiểm soát

Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của công ty cổ phần. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn gồm 3 thành viên:

Bảng 2: Danh sách Ban Kiểm soát

Stt	Họ tên	Chức vụ
1	Bà Trần Thị Thùy Trang	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Trần Dương Ngọc Thảo	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bà Phạm Phương Linh	Thành viên Ban Kiểm soát

Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người điều hành và có quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của công ty cổ phần và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của công ty cổ phần.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn gồm 4 thành viên:

Bảng 3: Danh sách Ban Tổng Giám đốc

Stt	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Đình Hùng	Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Hứa Kiến Trung	Phó Tổng Giám đốc
4	Bà Lê Thị Hoàng Oanh	Phó Tổng Giám đốc

Các phòng ban, đơn vị sản xuất

Các phòng, ban đơn vị sản xuất thực hiện chức năng tham mưu, quản lý và trực tiếp sản xuất theo chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc. Các phòng ban, đơn vị sản xuất được chia thành 02 khối: Khối phòng ban chức năng và Khối sản xuất trực tiếp.

Khối phòng ban chức năng gồm:

- ✓ Phòng tổ chức hành chính.
- ✓ Phòng kế hoạch.

- ✓ Phòng tài chính kế toán.
- ✓ Phòng quản lý chất lượng.
- ✓ Phòng nghiên cứu phát triển kinh doanh.
- ✓ Trung tâm đào tạo và huấn luyện.

Khối sản xuất gồm:

- ✓ Phòng điều hành.
- ✓ Phòng tài liệu và hướng dẫn chất xếp.
- ✓ Phòng phục vụ khách hàng.
- ✓ Phòng phục vụ kỹ thuật sân đỗ.
- ✓ Trung tâm sửa chữa, sản xuất, bảo trì trang thiết bị PVMĐ Hàng không.

Chi nhánh Công ty

Tên chi nhánh: Công ty cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn – Chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ: Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

7. *Định hướng phát triển*

- Đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất chất lượng cao cả về chiều rộng và chiều sâu; phù hợp với yêu cầu đặc thù của từng khách hàng và yêu cầu phát triển của Công ty thông qua việc đẩy mạnh công tác tuyển dụng đúng người đúng việc, huấn luyện, đào tạo chuyên sâu, đầu tư trang thiết bị phục vụ mặt đất hiện đại và không ngừng hoàn thiện hệ thống các quy trình, hướng dẫn công việc theo tiêu chuẩn chất lượng và an toàn tích hợp.

- Liên kết khai thác và không ngừng trao dồi, học tập kinh nghiệm và hoàn thiện các nguồn lực của doanh nghiệp, đảm bảo sản xuất kinh doanh phát triển bền vững; từng bước xây dựng môi trường làm việc và văn hóa doanh nghiệp tốt đẹp và nhân văn; tập trung chăm lo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động; luôn tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động có cơ hội học tập, lao động, cống hiến và phát triển.

- Xây dựng doanh nghiệp vững mạnh và đi đầu trong ngành về tiềm năng và uy tín trong kinh doanh; kinh doanh hiệu quả,an toàn;hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, đóng góp tích cực vì sự phát triển chung của ngành Hàng không, xã hội và đất nước.

8. *Các rủi ro:*

- Từ ngày 30/03/2015, Cục Hàng không đã có Quyết định số 610/QĐ-CHK về việc quản lý và cung cấp dịch vụ hướng dẫn và kéo đẩy tàu bay vào ra sân đỗ tại cảng hàng không, sân bay, theo đó, doanh thu kéo đẩy của Công ty trong thời gian tới sẽ có xu hướng giảm.
- Chính sách ưu tiên phục vụ người khuyết tật và người có công của Chính phủ dẫn đến giảm doanh thu từ dịch vụ xe nâng người tàn tật.
- Tình hình an ninh, chính trị thế giới có nhiều biến động và bất ổn (tổ chức khủng bố IS, đánh bom tại Châu Âu, khủng hoảng chính trị tại Trung Đông, ...) đã ảnh hưởng tiêu cực đến ngành hàng không thế giới và trong khu vực. Một số hãng hàng không quốc tế đã hủy khai thác các chuyến bay thương mại đến Cảng Hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất như Transaero Airlines (Nga), Nordwind Airlines (Nga), Ikar Airlines (Nga), ảnh hưởng nhất định trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam (VIAGS) được thành lập trên cơ sở hợp nhất 3 Công ty dịch vụ mặt đất Niags/Diags/Tiags. VIAGS cung cấp các dịch vụ mặt đất sân bay tại 3 sân bay lớn: Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng và Hà Nội tăng mức độ cạnh tranh với Công ty (Công ty hiện tại chỉ hoạt động tại Tân Sơn Nhất và Đà Nẵng).

- Tỷ giá biến động trong thời gian qua cũng một rủi ro đối với các chi phí đảm bảo hoạt động phải thuê bằng ngoại tệ.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

a. Sản lượng

Tổng số lượt chuyến bay Công ty phục vụ trong năm 2015: 75.905 lượt chuyến. Trong đó quốc nội 50.135 lượt chuyến, quốc tế 25.770 lượt chuyến. Tổng sản lượng tăng 9.272 lượt chuyến so với kế hoạch năm 2015, tăng 14% kế hoạch.

b. Doanh thu

Doanh thu năm 2015 đạt **604,56** tỷ đồng tăng 48,14 tỷ đồng tương đương tăng 9% so kế hoạch doanh thu năm 2015.

c. Kết quả kinh doanh (Đvt: triệu đồng)

	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2015	Vượt kế hoạch	% vượt kế hoạch
Doanh thu	604.567	556.426	48.141	9%
Chi phí	493.187	482.762	10.425	2%
Lợi nhuận sau thuế	86.664	56.164	30.500	54%

Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh như đã nêu trên, Công ty đã hoàn thành kế hoạch do Hội đồng quản trị giao, vượt kế hoạch doanh thu 9%, vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế 54%.

Các yếu tố góp phần giúp Công ty hoàn thành kế hoạch được giao:

- Công ty nỗ lực tìm kiếm khách hàng mới và đã ký hợp đồng phục vụ với 06 hãng tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất và 02 hãng tại Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng. Công ty đẩy mạnh công tác đào tạo và sửa chữa trang thiết bị cho các cảng hàng không địa phương.
- Hãng hàng không Vietjet Air đưa thêm máy bay mới vào khai thác cũng góp phần làm tăng tần suất và doanh thu phục vụ cả quốc nội và quốc tế của Công ty.
- Mặc dù sản lượng và doanh thu tăng nhưng Công ty vẫn nỗ lực tiết giảm chi phí như chi phí nhiên liệu, chi phí thuê thiết bị từ phía Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam (Công ty tự đầu tư trang thiết bị để giảm chi phí thuê), giảm chi phí thủ tục bay thuê từ Cảng HK Quốc tế Tân Sơn Nhất (Công ty tự đào tạo nhân sự có chuyên môn để tự thực hiện dịch vụ hỗ trợ kế hoạch bay cho các hãng, góp phần làm giảm chi phí).
- Khi xây dựng KH 2015, Công ty dự kiến sẽ vay ngân hàng để đầu tư trang thiết bị tuy nhiên thực tế năm 2015, Công ty đã thực hiện tốt nhiệm vụ cân đối thu chi sử dụng hiệu quả dòng tiền nên không phải đi vay, dẫn đến giảm chi phí tài chính trong năm 2015.

Các thành tích đạt được trong năm:

Hiện nay, Công ty đang phục vụ trọn gói cho khoảng 55% tổng số hãng hàng không đang khai thác tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.

Riêng trong năm 2015, Công ty đã tích cực tìm kiếm khách hàng và đã ký hợp đồng phục vụ mặt đất trọn gói cho nhiều hãng hàng không mới: 5 hãng tại Cảng Hàng Không Quốc tế Tân Sơn Nhất, 2 hãng tại Cảng Hàng Không Quốc tế Đà Nẵng.

Trong năm 2015, Công ty đã đẩy mạnh nghiên cứu, triển khai và cung cấp một số dịch vụ mới cho khách hàng, cụ thể:

1. Dịch vụ hỗ trợ tổ bay làm thủ tục bay
2. Dịch vụ làm vệ sinh máy bay qua đêm
3. Dịch vụ hàng hóa

Năm 2015, Công ty đã tái đánh giá thành công chứng chỉ chuyên ngành phục vụ mặt đất ISAGO và hệ thống quản trị chất lượng ISO9001 tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.

Ngoài ra, Công ty đã chứng nhận thành công hệ thống quản trị chất lượng ISO9001 cho chi nhánh tại Đà Nẵng.

d. Tổ chức và nhân sự

Bảng 4: Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Đình Hùng	Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc
2	Ông Nguyễn Văn Mỹ	Phó Tổng giám đốc
3	Bà Lê Thị Hoàng Oanh	Phó Tổng giám đốc
4	Ông Hứa Kiến Trung	Phó Tổng giám đốc
5	Ông Phùng Danh Nguyên	Kế toán trưởng

1. NGUYỄN ĐÌNH HÙNG – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 09/03/1961
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- Số CMND: 022075555, ngày cấp 13/06/2013, tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thừa Thiên Huế
- Địa chỉ thường trú: 179/34 Bạch Đằng, Phường 15, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM
- Địa chỉ hiện tại: 179/34 Bạch Đằng, Phường 15, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (84-8).38485383
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 10/1979 đến 12/1989:	Nhân viên sân bay Tân Sơn Nhất.
Từ 01/1990 đến 05/1994:	Đội phó đội Thương vụ sân bay Tân Sơn Nhất.
Từ 06/1994 đến 12/1999:	Đội trưởng đội Phục vụ Hành khách Xí nghiệp Thương mại Mặt đất Tân Sơn Nhất.
Từ 01/2000 đến 12/2000:	Trưởng Trung tâm Xí nghiệp Thương mại Mặt đất Tân Sơn Nhất.
Từ 01/2001 đến 01/2005:	Phó Giám đốc Xí nghiệp Thương mại Mặt đất Tân

	Sơn Nhất.
Từ 01/2005 đến 11/2013:	Giám đốc kiêm Bí thư chi bộ Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn (SAGS).
Từ 11/2013 đến 12/2014:	Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn, Bí thư Đảng ủy Công ty.
Từ 01/2015 đến nay:	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn, Bí thư Đảng ủy Công ty.

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 4.434.016 cổ phần, chiếm 31,56% vốn điều lệ.

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 6.400 cổ phần, chiếm 0,045% vốn điều lệ.

+ Đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam: 4.427.616 cổ phần, chiếm 31,51% vốn điều lệ.

- Các cam kết nắm giữ: Không
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch:

1. Mối quan hệ: Con ruột

Tên cá nhân: Nguyễn Thị Thanh Vy

Nắm giữ: 3.000 CP, chiếm 0,021% vốn điều lệ.

2. Mối quan hệ: Tổ chức cử người đại diện vốn

Tên tổ chức: Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam

Nắm giữ: 7.799.808 CP, chiếm 55,51% vốn điều lệ.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

2. NGUYỄN VĂN MỸ- Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 17/02/1963
- Nơi sinh: Đà Lạt
- Số CMND: 023452628, ngày cấp: 12/01/2011, nơi cấp: Thành phố Hồ Chí Minh

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nghi Diên, Nghi Lộc, Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: 65 đường 05, phường Phước Bình, Quận 9, TP.Hồ Chí Minh
- Địa chỉ hiện tại: 65 đường 05, phường Phước Bình, Quận 9, TP.Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (84-8).38485383
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ tháng 10/1993 đến tháng 12/1996:	Nhân viên Xí nghiệp Thương mại Mặt đất Tân Sơn Nhất.
Từ tháng 01/1997 đến tháng 04/2005:	Đội trưởng – Chuyên viên Xí nghiệp Thương mại Mặt đất Tân Sơn Nhất.
Từ tháng 05/2005 đến tháng 10/2008:	Trưởng phòng Phục vụ kỹ thuật sân đỗ, Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 11/2008 đến tháng 12/2014:	Phó Giám đốc Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 01/2015 đến nay:	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 8.000 cổ phần, chiếm 0,057 % vốn điều lệ

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 8.000 cổ phần, chiếm 0,057 % vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Các cam kết nắm giữ: Không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

3. HỨA KIẾN TRUNG - Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 22/01/1979
- Nơi sinh: TP. HCM
- Số CMND: 023316698, ngày cấp: 14/6/1996, nơi cấp: Thành phố Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Việt gốc Hoa
- Quê quán: Phúc Kiến, Trung Quốc
- Địa chỉ thường trú: TK 40/28 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Q1, TP. Hồ Chí Minh
- Địa chỉ hiện tại: TK 40/28 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Q1, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (84-8).38485383
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ tháng 04/2001 đến tháng 12/2004:	Nhân viên Xí nghiệp Thương mại Mặt đất Tân Sơn Nhất.
Từ tháng 02/2005 đến tháng 08/2006:	Nhân viên Công ty Phục vụ mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 09/2006 đến tháng 10/2008:	Phó phòng, Phòng Kế hoạch - Công ty Phục vụ mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 11/2008 đến tháng 12/2014:	Trưởng phòng, Phòng Nghiên cứu phát triển & Quản lý chất lượng, Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 01/2015 đến nay:	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc, CTCP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 7.300 cổ phần, chiếm 0,052 % vốn điều lệ

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 7.300 cổ phần, chiếm 0,052 % vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Các cam kết nắm giữ: Không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

4. LÊ THỊ HOÀNG OANH - Phó Tổng Giám Đốc

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 02/02/1976
- Nơi sinh: Đà Lạt
- Số CMND: 024940623, ngày cấp: 17/04/2008, nơi cấp: Thành phố Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: 406/57 Cộng Hoà, phường 13, Q Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- **Địa chỉ hiện tại: 499/32 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, TPHCM**
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (84-8).38485383
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 07/1998 đến 09/2004	Nhân viên Xí nghiệp Thương mại Mặt đất Tân Sơn Nhất.
Từ 10/2004 đến 03/2005:	Kíp trưởng Xí nghiệp Thương mại Mặt đất Tân Sơn Nhất.
Từ tháng 04/2005 đến tháng 10/2008:	Tổ trưởng tổ Đào tạo huấn luyện, Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 11/2008 đến tháng 12/2014:	Trưởng Trung tâm đào tạo huấn luyện, Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 01/2015 đến nay:	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

- Số cổ phần nắm giữ: 9.500 cổ phần, chiếm 0,067 % vốn điều lệ

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 9.500 cổ phần, chiếm 0,067 % vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Các cam kết nắm giữ: Không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

Mối quan hệ: em ruột

Tên cá nhân: Lê Minh Hưng

Số cổ phần nắm giữ: 2.700 CP, chiếm 0,019% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

5. PHÙNG DANH NGUYÊN - Kế toán trưởng

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 13/07/1978
- Nơi sinh: Quảng Trị
- Số CMND: 025110417
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Linh, Tỉnh Quảng Trị
- Địa chỉ thường trú: 1247/33/2 Huỳnh Tấn Phát, Phường Phú Thuận,Quận 7, TP.Hồ Chí Minh
- Địa chỉ hiện tại: P28 Lầu 6 Chung cư Cửu Long 351/31 Nơ Trang Long, phường 13, Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (84-8).38485383
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ tháng 01/2001 – tháng 07/2005:	Chuyên viên kế toán tại Xí nghiệp thương mại mặt đất, Tân Sơn Nhất.
Từ tháng 08/2005 – tháng 08/2006:	Nhân viên phòng tài chính kế toán, Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 09/2006 –	Phó phòng tài chính kế toán, Công ty Phục vụ Mặt

tháng 11/2011:	đất Sài Gòn.
Từ tháng 12/2011 – tháng 12/2014:	Kế toán trưởng Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 01/2015 tới nay:	Kế toán trưởng CTCP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.

- Chức vụ công tác hiện nay: Kế Toán trưởng CTCP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 1.500 cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 1.500 cổ phần chiếm 0,011% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

Mối quan hệ: chị ruột

Tên cá nhân: Phùng Thị Thanh Huyền, nắm giữ: 1.400 CP, chiếm 0,001% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: không

Số lượng cán bộ, nhân viên bình quân năm: 968 nhân viên

e. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- **Đầu tư tài chính**

Tháng 10/2015, Hội đồng quản trị họp thông qua chủ trương cho phép Công ty thực hiện đầu tư góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hàng không số tiền 190 triệu đồng, tỷ lệ sở hữu 19%.

- **Đầu tư trang thiết bị**

Trong năm 2015, Công ty đã thực hiện triển khai kế hoạch đầu tư phát triển cụ thể như sau:

Các dự án chuyển tiếp: Thực hiện hoàn thiện và nghiệm thu 3 dự án của năm 2014 chuyển tiếp 2015:

- Dự án xe nâng người tàn tật
- Dự án Cần dầy & dầu cần dầy
- Dự án Xưởng sửa chữa và Phục vụ trên tàu

Các dự án trong kế hoạch đầu tư phát triển 2015: Công ty đã thực hiện 17 dự án theo kế hoạch với Tổng giá trị thực hiện/Tổng mức đầu tư được duyệt là 74,2 tỉ đồng / 78,6 tỉ đồng (đạt 95% kế hoạch). Trong đó có:

+ Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng (07/17 dự án):

Chủ yếu các dự án đầu tư trang thiết bị cho Sài Gòn,bao gồm:

- 2 xe thang tự hành
- 4 Xe đầu kéo hàng hóa Toyota 2 tấn
- 1 xe cấp khí khởi động nhỏ (180PPM)
- 1 xe ô tô 7 chỗ
- 1 xe ô tô 9 chỗ
- 1 xe bus chở khách sân đậu
- Server (02) + Tủ đĩa

+ Dự án đã ký Hợp đồng chờ nhận hàng trong 2016 (10 dự án): bao gồm

Dự án đầu tư cho SGN:

- 2 Xe nâng 7 tấn (sàn rộng)
- 1 Xe nước sạch tự hành
- 1 xe bus chở khách sân đậu (mua tiếp)
- 4 Xe đầu kéo hàng hóa Toyota 2 tấn
- 6 Xe thang tự hành phục vụ A320/A321

(4 chiếc cho SGN + 2 chiếc cho Chi nhánh Đà Nẵng)

- 30 Dolly 10feets

Dự án đầu tư cho Chi nhánh Đà Nẵng

- 1 Xe kéo đẩy máy bay loại nhỏ

(Phục vụ cho loại máy bay A320/A321)

- 1 Xe kéo đẩy máy bay nhỏ
  (Phục vụ kéo đẩy tất cả loại máy bay private)
- 2 Xe băng chuyền không tự hành
- 1 Xe nước sạch không tự hành

Hiệu quả đạt được: Trong năm 2015,Công ty đã hoàn tất công tác nhận, nghiệm thu và đưa vào sử dụng 2 xe thang tự hành, 4 xe đầu kéo hàng hóa hành lý, 1 xe cấp khí khởi động 180PPM, 1 xe ô tô 7 chỗ, 1 xe ô tô 9 chỗ, 1 xe bus chở khách sân đậu vào phục vụ trong năm, kết hợp trả một số thiết bị thuê từ Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam và đã góp phần giảm chi phí đi thuê thiết bị trong năm 2015.

f. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu (Đvt: triệu đồng)	Năm 2015	Năm 2014	% tăng / giảm
Tổng giá trị tài sản	327.029	451.134	-28%
Doanh thu thuần	598.937	472.876	27%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	111.557	97.972	14%
Lợi nhuận khác	(175)	(83)	111%
Lợi nhuận trước thuế	111.381	97.889	14%
Lợi nhuận sau thuế	86.664	75.605	15%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức dự kiến	15%	N/a	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	% tăng / giảm
1.Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,77	1,06	68%
Hệ số thanh toán nhanh	1,70	1,03	65%
2.Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ / Tổng tài sản	0,36	0,69	-47%
Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	0,57	2,21	-74%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	56	40	41%
Doanh thu thuần / Tổng tài sản	1,83	1,05	75%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,14	0,16	-9%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,42	0,54	-23%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,27	0,17	58%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,19	0,21	-10%

g. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 14.050.800 cổ phiếu.
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 14.048.800 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ: 2.000 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 3.209.100 cổ phiếu. Trong đó:

* Tổ chức Công đoàn: 140.000 cổ phần, không được chuyển nhượng trong suốt thời gian hoạt động của Công ty. (theo Điểm c, Khoản 2, Điều 36 Nghị định 59/2011/NĐ-CP).

* Cổ phần Nhà đầu tư chiến lược: 2.705.000 cổ phiếu, thời gian hạn chế chuyển nhượng 05 năm (từ 31/12/2014 đến 31/12/2019).

° Cổ phần Người lao động mua theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần: 364.100 cổ phiếu, thời gian hạn chế chuyển nhượng sẽ theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần của người lao động khi Công ty chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 11/03/2016

Stt	Cơ cấu cổ đông	Số cổ đông	Số CP sở hữu	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	*Cổ đông lớn*	*3*	*12.077.504*	*12.077.504.000*	*85,97%*
2	*Cổ đông nhỏ*	*479*	*1.971.296*	*1.971.296.000*	*14,03%*
	Tổng cộng	**483**	**14.048.800**	**140.048.800.000**	**100%**
3	*Cổ đông trong nước*	*479*	*14.036.900*	*14.036.900.000*	*99,92%*
4	*Cổ đông nước ngoài*	*4*	*11.900*	*11.900.000*	*0,08%*
	Tổng cộng	**483**	**14.048.800**	**140.048.800.000**	**100%**
5	*Cổ đông tổ chức*	*7*	*13.105.100*	*130.105.100.000*	*93,28%*
6	*Cổ đông cá nhân*	*476*	*943.700*	*9.437.000.000*	*6,72%*
	Tổng cộng	**483**	**14.048.800**	**140.048.800.000**	**100%**

c) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Số lượng cổ phiếu quỹ: 2.000 cổ phiếu
- Thời điểm thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ: tháng 10/2015, Công ty thực hiện mua lại cổ phiếu cam kết của nhân viên nghỉ việc.
- Giá giao dịch: 14.000 đồng/ cổ phiếu
- Đối tượng giao dịch: Bà Trần Minh Nguyệt

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty Cổ phần mặc dù gặp không ít khó khăn và thách thức, nhưng với sự chỉ đạo và tạo điều kiện tốt của HĐTV, sự quyết tâm của HĐQT; Ban Tổng Giám đốc và sự nỗ lực của toàn thể nhân viên, Công ty đã có thêm một số khách hàng mới là hãng BD, DD, TW, SQ, LH giúp Công ty CP hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Hiện nay Công ty cung cấp dịch vụ phục vụ mặt đất trọn gói cho 27 hãng HK trên tổng số 53 hãng HK khai thác tại sân bay Tân Sơn Nhất (chiếm 51% thị phần).

Từ ngày 1/5/2015, Công ty Cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn - Chi nhánh Đà Nẵng chính thức thành lập. Đây là bước ngoặc lớn đánh dấu sự lớn mạnh, vươn ra các thị trường tiềm năng khác trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Với nỗ lực cao, Công ty đã thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015, cụ thể:

- Doanh thu: 604,5 tỷ đồng vượt 9%/KH năm.
- Lợi nhuận trước thuế: 111,38 tỷ đồng vượt 51%/KH năm.
- Lợi nhuận sau thuế: 86,66 tỷ đồng vượt 54%/KH năm
- Nộp ngân sách nhà nước: 25,27 tỷ đồng trong đó 25,2 tỷ là thuế TNDN.

Các giải thưởng đạt được:

Công ty vinh dự được các hãng hàng không hàng đầu thế giới trao nhiều giải thưởng quan trọng, cụ thể:

1. Hãng United Airlines: cúp STAR (chuyến bay đúng giờ)
2. Hãng Turkish Airlines: cúp dịch vụ xuất sắc nhất toàn mạng bay
3. Hãng All Nippon Airways: hạng nhất (dịch vụ thủ tục hàng không trong đợt đánh giá lần 02)
4. Hãng Tiger Airways: cúp xuất sắc nhất vùng

Trong năm 2015, Công ty nhận được 125 thư khen từ các hãng hàng không và hành khách.

Hoạt động cộng đồng

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã tích cực tham gia các hoạt động xã hội, cộng đồng như tặng quà trẻ em hoàn cảnh khó khăn, bị bệnh hiểm nghèo với tổng số tiền đóng góp hơn 121 triệu đồng. 58 cán bộ công nhân viên Công ty đã tích cực tham gia hiến máu nhân đạo.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tài sản ngắn hạn: 209, 263 tỷ đồng (chiếm 64% tổng tài sản)

Tài sản dài hạn: 117,766 tỷ đồng (chiếm 36% tổng tài sản)

Đến 31/12/2015, Hội đồng quản trị thông qua cho phép Công ty CP thực hiện trích lập dự phòng là 29,2 tỷ đồng nợ phải thu khó đòi.

b) Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả: 118,256 tỷ đồng (chiếm 36% tổng nguồn vốn)

Vốn chủ sở hữu: 208,772 tỷ đồng (chiếm 64% tổng nguồn vốn)

Công ty không có nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái không ảnh hưởng lớn kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2015, Công ty đã tiến hành đẩy mạnh cải tiến cơ cấu tổ chức nhằm tối ưu hóa hoạt động và đẩy mạnh hoạt động của Công ty ra thị trường Đà Nẵng và dự kiến trong năm 2016, Công ty sẽ đẩy mạnh hoạt động ra một số khu vực lân cận.

Về chính sách quản lý, Công ty đẩy mạnh công tác tìm kiếm khách hàng, lập kế hoạch, đặt mục tiêu trong ngắn hạn, cũng như dài hạn để đảm bảo sử dụng nguồn lực hiệu quả nhằm đạt mục tiêu do Hội đồng quản trị đề ra. Công ty cũng tăng cường nâng cao việc học tập, trao dồi kiến thức cho nhân viên chủ chốt.

Năm 2015, Công ty tiếp tục tái đánh giá thành công chứng chỉ chuyên ngành phục vụ mặt đất ISAGO và hệ thống quản trị chất lượng ISO9001 tại Cảng hàng không quốc tế

Tân Sơn Nhất và đã chứng nhận thành công hệ thống quản trị chất lượng ISO9001 cho chi nhánh tại Đà Nẵng.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2016, bên cạnh những thuận lợi, nền kinh tế trong nước vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do sự phục hồi chậm của nền kinh tế thế giới, tình hình chính trị xã hội tiếp tục diễn biến phức tạp, sự cạnh tranh mạnh mẽ của đối thủ cạnh tranh... Trong bối cảnh đó, Công ty xác định phương hướng hoạt động năm 2016 như sau:

Công ty tiếp tục bám sát chỉ tiêu kế hoạch năm 2016 do ĐHĐCĐ giao để cố gắng và nỗ lực hoàn thành mục tiêu do HĐQT đề ra.

Bên cạnh đó Công ty sẽ linh hoạt chiến lược kinh doanh của Công ty phù hợp tình hình. Mở rộng phát triển quy mô Công ty kết hợp với việc nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính công ty an toàn, hiệu quả.

Đẩy mạnh rà soát hoàn thiện các Quy chế của Công ty.

Công bố thông tin theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Thông qua số liệu tài chính tháng, quý, năm, Hội đồng quản trị đã phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát để kiểm tra, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến với Ban Điều hành để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra. Các thành viên Ban Kiểm soát đều được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thông qua đó Hội đồng quản trị và Ban Điều hành có cơ hội trao đổi, bàn bạc thẩu đáo và cởi mở về những ý kiến đóng góp và đề xuất mang tính xây dựng của Ban Kiểm soát, với tư cách là giám sát viên và đại diện của cổ đông. Các ý kiến đúng góp của Ban Kiểm soát đều được tôn trọng, ghi nhận và là cơ sở quan trọng trong việc thông qua các Quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.

Theo đánh giá của Hội đồng quản trị Công ty đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch do Hội đồng quản trị đề ra.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Thông qua các cuộc họp của Hội đồng quản trị hàng Quý, Hội đồng quản trị đã thẳng thắn trao đổi và chất vấn các hoạt động của Ban Điều hành trong việc thực hiện chiến lược hoạt động và các mục tiêu kinh doanh đã được ĐHĐCD thành lập Công ty cổ phần phê duyệt. Tổng Giám đốc đã thường xuyên chủ động báo cáo chi tiết, cập nhật đầy đủ về tiến độ thực hiện cũng như những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh. Hội đồng quản trị cùng với Tổng Giám đốc đã thảo luận, bàn bạc trực tiếp hoặc bằng văn bản để đưa ra các giải pháp kịp thời và hiệu quả nhằm hoàn thành thắng lợi các mục tiêu mà ĐHĐCD đã thông qua.

Theo đánh giá của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao trong năm 2015, đồng thời tuân thủ nghiêm

chỉnh các quy trình và quy định trong hoạt động điều hành doanh nghiệp theo Điều lệ và các quy định pháp lý hiện hành.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2016, bên cạnh những thuận lợi, nền kinh tế trong nước vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do sự phục hồi chậm của nền kinh tế thế giới, tình hình chính trị xã hội tiếp tục diễn biến phức tạp, sự cạnh tranh mạnh mẽ của đối thủ cạnh tranh... Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị xác định phương hướng hoạt động năm 2016 như sau:

- Chỉ đạo, quản trị hoạt động Công ty tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2016 do ĐHĐCĐ giao.
- Điều chỉnh linh hoạt chiến lược kinh doanh của Công ty phù hợp tình hình. Mở rộng phát triển quy mô Công ty kết hợp với việc nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính công ty an toàn, hiệu quả.
- Đẩy mạnh rà soát hoàn thiện các Quy chế của Công ty.
- Chỉ đạo việc công bố thông tin theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành.
- Thực hiện các chức năng quản trị khác theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ Công ty.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Bảng 5: Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Đình Hùng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	Thành viên hội đồng quản trị điều hành
2	Ông Lưu Quang Lâm	Phó chủ tịch HĐQT	Thành viên hội đồng quản trị không điều hành

STT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
3	Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên	Thành viên HĐQT	Thành viên hội đồng quản trị không điều hành
4	Bà Lê Thị Diệu Thúy	Thành viên HĐQT	Thành viên hội đồng quản trị không điều hành
5	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	Thành viên hội đồng quản trị không điều hành

NGUYỄN ĐÌNH HÙNG – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc (Tham khảo tại Điều II khoản 1 mục d)

LƯU QUANG LÃM - Phó chủ tịch HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 23/04/1959
- Nơi sinh: Bắc Ninh
- Số CMND: 025168368 cấp ngày 07/09/2014 tại CA Tp.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Xã An Thịnh - Huyện Lương Tài - Tỉnh Bắc NinhĐịa chỉ hiện tại: 188 Nguyễn Văn Thủ - Phường Đakao - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0432002229
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 01/1981 đến 12/1987:	Phòng Vật tư – CNV Quốc phòng – Quân chủng Không quân.
Từ 01/1988 đến 06/2003:	Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Thiết bị Phụ tùng TP.Hồ Chí Minh

Từ 07/2003 đến 12/2003:	Trưởng phòng dự án Chi nhánh Tổng Công ty Sông Đà tại TP Hồ Chí Minh.
Từ 01/2004 đến 01/2007:	Trưởng phòng dự án Chi nhánh Tổng Công ty Sông Đà tại TP Hồ Chí Minh
Từ 02/2007 đến 05/2007:	Phó giám đốc Công ty Tài Chính Dầu khí, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Từ 06/2007 đến 12/2007:	Giám đốc Công ty Tài Chính Dầu khí, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Từ 01/2008 đến 08/2008:	Giám đốc Tổng Công ty Tài Chính CP Dầu khí VN - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Từ 09/2008 đến 12/2008:	Trưởng Ban rà soát hoạt động đầu tư & tín dụng Tổng Công ty Tài Chính CP Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Từ 03/2010 đến nay:	Chủ Tịch HĐQT Công ty CP Truyền Thông Bóng Đá Việt Nam. Chủ tịch HDQT Công ty CP Đầu tư Khai thác Cảng. Chủ tịch HĐQT Công ty CP BOT 38.
Từ tháng 01/2015 đến nay:	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Khai thác Cảng.

Chủ tịch HĐQT Công ty CP Truyền Thông Bóng Đá Việt Nam

Chủ tịch HĐQT Công ty CP BOT 38

- Số cổ phần nắm giữ: 1.826.604 cổ phần, chiếm 13% vốn điều lệ

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu cho Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Cảng: 1.826.604 cổ phần, chiếm 13% vốn điều lệ

- Các cam kết nắm giữ: Không
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch:

Mối quan hệ: Tổ chức cử người đại diện vốn

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư Khai Thác Cảng

- Nắm giữ: 1.826.604 CP, chiếm 13% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

NGUYỄN THỊ ĐỖ QUYÊN - Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 15/10/1970
- Nơi sinh: Xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang
- Số CMND: 023500853, ngày cấp 06/02/2012, nơi cấp: CA. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Hòa Phú, Huyện Vàm Cỏ, Tỉnh Long An
- Địa chỉ thường trú: RR14 Hồng Lĩnh, Cư xá Bắc Hải, Phường 15, Quận 10, TP.HCM

Địa chỉ hiện tại: RR14 Hồng Lĩnh, Cư xá Bắc Hải, Phường 15, Quận 10, TP.HCM

- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (84-8).38485383
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Tháng 01/1995 – Tháng 10/2001	Chuyên viên giám định phòng KTGĐ 4, Chi nhánh Giám định Hàng hóa Xuất nhập khẩu TP.HCM (Vina Control HCM)
Tháng 11/2001 - Tháng 07/2003	Đi học tại Newzealand
Tháng 8/2003 – tháng 3/2005:	Chuyên viên phòng Kế hoạch, Cụm Cảng Hàng không Miền Nam.
Tháng 3/2005 – tháng 8/2005:	Chuyên viên phòng tổ chức hành chánh, đào tạo và quản lý chất lượng – Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.

Tháng 8/2005 – tháng 5/2008:	Trưởng phòng tổ chức hành chánh, đào tạo và quản lý chất lượng – Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
Tháng 5/2008 – tháng 04/2012:	Phó Giám đốc Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn
Tháng 04/2012 hiện nay:	Phó trưởng Ban Tổ chức cán bộ - Lao động tiền lương Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam, Phó Bí thư Chi bộ Tổ chức cán bộ - Lao động tiền lương
Từ tháng 01/2015 đến nay:	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó trưởng Ban Tổ chức cán bộ - Lao động tiền lương Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam.
- Số cổ phần nắm giữ: 1.686.096 cổ phần, chiếm 12 % vốn điều lệ.

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam: 1.686.096 cổ phần, chiếm 12 % vốn điều lệ

- Các cam kết nắm giữ: Không
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch:

Mối quan hệ: Tổ chức cử người đại diện vốn

Tên tổ chức: Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam

Nắm giữ: 7.799.808 CP chiếm 55,51% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

LÊ THỊ DIỆU THÚY – Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 17/03/1978
- Nơi sinh: TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang
- Số CMND: 024597399, ngày cấp 18/07/2006, nơi cấp: CA.Hồ Chí Minh

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Kiên Giang
- Địa chỉ thường trú: 171 Hai Bà Trưng, phường 6, Quận 3, TPHCM.
- Địa chỉ hiện tại: 171 Hai Bà Trưng, phường 6, Quận 3. TPHCM.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (84-8).38485383
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ tháng 01/2003 đến tháng 10/2007:	Chuyên viên phòng Kế hoạch, Cụm Cảng Hàng không miền Nam.
Từ tháng 10/2007 đến tháng 08/2008:	Phó phòng khai thác ga Quốc tế Tân Sơn Nhất, Công ty Khai thác ga Tân Sơn Nhất – Tổng công ty Cảng Hàng không miền Nam.
Từ tháng 08/2008 đến tháng 04/2012:	Phó trưởng Ban Quản lý cơ sở hạ tầng, Tổng Công Ty Cảng Hàng không Miền Nam.
Từ tháng 04/2012 đến tháng 06/2014:	Phó Giám đốc Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất, kiêm Trưởng phòng tổ chức cán bộ, lao động và tiền lương – Chi nhánh cấp 1 của Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam.
Từ 06/2014 đến 03/2015:	Trưởng ban Kế hoạch Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam.
Từ 04/2015- nay:	Thành viên Hội đồng thành viên chuyên trách Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam.
Từ tháng 01/2015 đến nay:	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên Hội đồng thành viên chuyên trách Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam.

Số cổ phần nắm giữ: 1.686.096 cổ phần, chiếm 12 % vốn điều lệ

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam: 1.686.096 cổ phần, chiếm 12% vốn điều lệ

- Các cam kết nắm giữ: Không
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch:

Mối quan hệ: Tổ chức cử người đại diện vốn

Tên tổ chức: Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam

Nắm giữ: 7.799.808 CP chiếm 55,51% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

NGUYỄN THANH TÙNG - Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 07/07/1979
- Nơi sinh: Hà Nội
- Số CMND: 011933696, cấp ngày 29/03/2011 tại CA Tp.Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: D2B Ủy ban Khoa học Kỹ thuật nhà nước, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội.
- Địa chỉ hiện tại: 16 - 01 T5 Riviera Point, Huỳnh Tấn Phát, Phường Tấn Phát, Quận Tân Phú, Q7, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 8 38242897
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế tài chính
- Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ tháng 04/2001- tháng 06/2006:	Phó phòng nguồn vốn/Phụ trách phòng tín dụng doanh nghiệp Ngân hàng liên doanh VinaSiam.
Từ tháng 09/2006- tháng 06/2007:	Chuyên viên phân tích đầu tư cổ phiếu, Công ty Quản lý quỹ Bảo Việt
Từ tháng 06/2007- tháng 05/2010:	Trưởng phòng phân tích đầu tư Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI
Từ tháng 06/2010- tháng	Giám đốc Đầu tư/ Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI

05/2011:	
Từ tháng 06/2011 đến nay:	Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI
Từ tháng 01/2012 đến nay	Ủy viên HĐQT, CTCP Viglacera Hạ Long
Từ tháng 01/2013 đến nay	Ủy viên HĐQT, CTCP Khử Trùng Việt Nam
Từ tháng 01/2015 đến nay:	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

  Ủy viên HĐQT, CTCP Viglacera Hạ Long.

  Ủy viên HĐQT, CTCP Khử Trùng Việt Nam.

  Phó Tổng Giám đốc, Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

  Trong đó: + Sở hữu cá nhân. 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

  + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
- Các cam kết nắm giữ: Không
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch:

  Mối quan hệ: Phó Tổng Giám đốc

  Tên tổ chức: Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI

  Nắm giữ: 2.451.092 CP chiếm 17,44% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã tổ chức 5 phiên họp với thành phần tham dự cụ thể như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Đình Hùng	Chủ tịch	5/5	100%	
2	Ông Lưu Quang Lâm	Phó Chủ tịch	4/5	80%	Bận công tác
3	Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên	Thành viên	4/5	80%	Bận công tác
4	Bà Lê Thị Diệu Thúy	Thành viên	5/5	100%	
5	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	5/5	100%	

Nội dung các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ - HĐQT	14/01/2015	Ban hành Điều lệ Công ty cổ phần.
2	02/NQ - HĐQT	14/01/2015	Kế hoạch chi bổ sung Quỹ tiền lương, tiền thưởng năm 2014 (giai đoạn Công ty TNHH MTV).
3	03/QĐ - HĐQT	29/01/2015	Bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty.
4	04/NQ - HĐQT	29/01/2015	Bổ nhiệm các Phó Tổng Giám đốc Công ty.
5	05/NQ - HĐQT	29/01/2015	Bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty.
6	06/NQ - HĐQT	30/01/2015	Xây dựng cơ chế hoạt động Công ty cổ phần.
7	07,08,09,10/QĐ - HĐQT	30/01/2015	Bổ nhiệm các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.
8	13/NQ - HĐQT	06/03/2015	- Bổ nhiệm Thư ký HĐQT; - Phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT; - Thông qua chương trình làm việc năm 2015 của HĐQT; - Thông qua cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần; - Thông qua kế hoạch kinh doanh chi tiết năm 2015; - Thông qua kế hoạch niêm yết cổ phiếu

			công ty trên Thị trường chứng khoán và lựa chọn đơn vị tư vấn…
9	14/QĐ - HĐQT	11/03/2015	Ban hành Quy chế sử dụng Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty.
10	15/QĐ - HĐQT	17/03/2015	Ban hành Quy chế Đào tạo của Công ty
11	22/NQ - HĐQT	24/04/2015	Thành lập Chi nhánh Công ty tại Đà Nẵng.
12	20/QĐ - HĐQT	25/04/2015	Bổ nhiệm Trưởng Chi nhánh Công ty tại Đà Nẵng.
13	25/ NQ - HĐQT	11/05/2015	- Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh Quý 1/2015 của Công ty; - Thông qua nội dung tờ trình của Ban kiểm soát; - Thông qua định hướng sản xuất kinh doanh của Công ty trong Quý 2/2015; - Thông qua chủ trương hợp tác đầu tư do Tổng Giám đốc trình, xin ý kiến - Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh của Chi nhánh Đà Nẵng trong 3 năm.
14	26/ NQ - HĐQT	03/07/2015	- Đầu tư góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hàng không Sài Gòn
15	27/NQ – HĐQT	09/07/2015	Cử người đại diện vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hàng không Sài Gòn
16	28/ NQ - HĐQT	21/07/2015	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư 6 tháng cuối năm 2015
17	37/ NQ - HĐQT	04/09/2015	- Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh Quý 2/2015 của Công ty; - Thông qua định hướng sản xuất kinh doanh của Công ty trong Quý 3/2015; - Thông qua kết quả đăng ký lưu ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
18	38/ NQ - HĐQT	25/09/2015	Ban hành Quy chế Quản trị chất lượng và rủi ro trong vận hành của Công ty
19	39/ NQ - HĐQT	25/09/2015	Ban hành Quy chế Công tác văn thư và lưu trữ của Công ty

20	40/ NQ - HĐQT	25/09/2015	Ban hành Quy chế Quản lý tài chính của Công ty
21	43b/ NQ - HĐQT	28/10/2015	- Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh Quý 3/2015 của Công ty; - Thông qua định hướng sản xuất kinh doanh của Công ty trong Quý 4/2015 - Chỉ đạo việc tính giá khởi điểm cổ phiếu Công ty tại UPCOM. - Thông qua bổ sung kế hoạch đầu tư
22	44/ NQ - HĐQT	30/10/2015	Ban hành Quy chế chi trả thu nhập của Công ty
23	45/ NQ - HĐQT	12/11/2015	Chi trả tạm ứng cổ tức năm 2015
24	48/ NQ - HĐQT	20/11/2015	Mua lại cổ phần của cổ đông là cán bộ nhân viên nghỉ việc trước thời hạn cam kết làm cổ phiếu Quỹ (theo quy định Nghị định 59/2011/NĐ-CP về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần).
25	63/ NQ – HĐQT	23/12/2015	Mua lại cổ phần của cổ đông là cán bộ nhân viên nghỉ việc trước thời hạn cam kết làm cổ phiếu Quỹ (theo quy định Nghị định 59/2011/NĐ-CP về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần).
26	63b/NQ – HĐQT	25/12/2015	- Đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015. - Dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2015. - Thông qua một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2016 (dự kiến).

2. *Ban Kiểm soát*

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Bảng 6: Danh sách Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Trần Thị Thùy Trang	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Trần Dương Ngọc Thảo	Thành viên
Bà Phạm Phương Linh	Thành viên

TRẦN THỊ THÙY TRANG - Trưởng Ban Kiểm soát

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 10/07/1970
- Nơi sinh: Tp.Hồ Chí Minh
- Số CMND: 022495662 ngày cấp: 20/2/2013, nơi cấp: CA.Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nam
- Địa chỉ thường trú: 362/47 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, Quận 3, Tp. HCM Địa chỉ hiện tại: 362/47 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, Quận 3, Tp. HCM
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: (84-8).38485383
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Kế Toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ tháng 7/1993- tháng 3/1994:	Kế toán, Công ty Liên doanh ASC- Charwic
Từ tháng 3/1994- tháng 8/2008:	Kế toán, Xí nghiệp thương mại mặt đất Tân Sơn Nhất
Từ tháng 9/2008 đến nay:	Kế toán - Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam.
Từ tháng 01/2015 đến nay:	Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 CP chiếm 0% vốn điều lệ
- Các cam kết nắm giữ: Không
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch:

  Mối quan hệ: Kế toán Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam

  Tên tổ chức: Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam

  Nắm giữ: 7.799.808 CP chiếm 55,51% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không có

PHẠM PHƯƠNG LINH - Thành viên Ban Kiểm soát

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 30/08/1983
- Nơi sinh: Hà Nội
- Số CMND: 012363871, ngày cấp: 21/2/2001 tại CA.TP.Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Phòng 74, C5, KTT Kim Liên, phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội
- Địa chỉ hiện tại: phòng 14.12 lô M2 Chung cư Tôn Thất Thuyết, Phường 1, Quận 4, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: 08 38242897
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ tháng 09/2005- tháng 03/2007:	Trợ lý ban giám đốc, Quản lý bán hàng Coca-Cola Việt Nam
Từ tháng 10/2008- tháng	Chuyên viên phân tích, phòng Phân tích và tư vấn

03/2011:	đầu tư Công Ty CP Chứng khoán Sài Gòn (SSI)
Từ tháng 10/2013- đến nay:	Chuyên viên đầu tư Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI
Từ tháng 01/2015 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

- Chức vụ công tác hiện nay:Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn
- Chức vụ tại tổ chức khác: Chuyên viên đầu tư, Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI (SSIAM)
- Số cổ phần nắm giữ: 0 CP chiếm 0% vốn điều lệ
- Các cam kết nắm giữ: Không
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch:

  Mối quan hệ: Chuyên viên đầu tư, Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI (SSIAM)

  Tên tổ chức: Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI

  Nắm giữ: 2.451.092 CP chiếm 17,44% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

TRẦN DƯƠNG NGỌC THẢO - Thành viên Ban Kiểm soát

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 01/09/1976
- Nơi sinh: Tp.Hồ Chí Minh
- Số CMND: 022977029, ngày cấp: 15/2/2005 tại CA TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 29A/16 đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, Quận 1, Tp.HCM
- Địa chỉ hiện tại: 29A/16 đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, Quận 1, Tp.HCM
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: 08 35471866
- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh, Cử nhân ngoại ngữ, Thạc sỹ quản trị Kinh Doanh- Thạc Sỹ tài chính
- Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 03/2000 đến tháng 05/2002:	Nhân viên hành chính, Công ty TOWA, Industry (Nhật Bản)
Từ tháng 06/2002- tháng 09/2002:	Quản lý nhân sự, Công ty liên doanh Sony Việt Nam
Từ tháng 05/2006- tháng 02/2007:	Trưởng phòng nghiệp vụ- Giám Đốc Tư vấn tài chính doanh nghiệp và phân tích tài chính, Công ty cổ phần Chứng khoán Tp.HCM (HSC)
Từ tháng 03/2007- tháng 03/2008:	Giám đốc chi nhánh Hồ chí minh, Công ty CP Chứng khoán Tân Việt- chi nhánh TP.HCM (TVSI)
Từ tháng 04/2008- tháng 01/2011:	Tổng Giám Đốc, CTCP Chứng khoán Gia Quyền (EPS)
Từ tháng 02/2011- tháng 04/2012:	Phó Tổng Giám Đốc, CT CP Chứng khoán Phú Gia
Từ tháng 05/2012 – 04/2013	Trưởng phòng kiểm soát nội bộ, CT CP Hàng không Vietjet
Từ tháng 05/2013- tháng 11/2014:	Tổng Giám đốc, CT Quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán Liên Minh Việt Nam
Từ tháng 07/2013 – Hiện nay:	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Hàng không Vietjet
Từ tháng 01/2015 đến nay	Thanh viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
- Chức vụ tại tổ chức khác: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Hàng không Vietjet.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 Cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ
- Các cam kết nắm giữ: Không
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch:

Mối quan hệ: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Hàng không Vietjet

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet

Nắm giữ: 562.032 CP chiếm 4% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

b1. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2015, Ban kiểm soát đã thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát các hoạt động của đơn vị như sau:

- Kiểm tra và giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình hoạt động tài chính của SAGS thông qua việc kiểm tra trực tiếp các hoạt động hồ sơ, chứng từ tại Công ty và rà soát gián tiếp thông qua các báo cáo hoạt động của ban điều hành Công ty;
- Kiểm tra, rà soát các quy chế, quy định do Hội đồng quản trị và ban Tổng Giám đốc ban hành.
- Ban kiểm soát đã thực hiện thẩm định báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán độc lập của Công ty;
- Kiểm tra hoạt động đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị và tài sản;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các qui định, nghị quyết của HĐQT và việc chấp hành quy định của Ban lãnh đạo Công ty.

b2. Đánh giá của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty trong năm tài chính 2015, qua đó đánh giá báo cáo đã phản ánh đầy đủ, trung thực các khía cạnh trọng yếu kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính 2015 và tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt nam và các qui định hiện hành khác về kế toán.

b3. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2016

Trong năm 2016, Ban kiểm soát tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình nhằm đảm bảo lợi ích của cổ đông với các kế hoạch nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của từng thành viên Ban kiểm soát.
- Thẩm định các báo cáo tài chính, đánh giá phân tích tình hình tài chính cũng như việc bảo toàn và phát triển nguồn vốn chủ sở hữu một cách trung thực và khách quan;

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.
- Giám sát việc thực hiện, tuân thủ chế độ chính sách, pháp luật của nhà nước.
- Định kỳ hàng quý kiểm soát, giám sát hoạt động của Công ty;

  Kiểm tra, giám sát việc xây dựng định mức, biện pháp tiết kiệm chi phí Công ty;
- Kiểm tra, giám sát công tác xây dựng và ban hành các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty;
- Kiểm tra, giám sát cơ cấu tổ chức và lao động của đơn vị, công tác nhân sự, tuyển dụng lao động, chi trả tiền lương và thu nhập;
- Kiểm tra, giám sát việc ký kết và quản lý thực hiện các hợp đồng kinh tế;
- Kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng vốn;
- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động năm 2016 và báo cáo theo yêu cầu kết quả kiểm tra.
- Thực hiện các công tác khác theo yêu cầu của cổ đông theo quy định của pháp luật và điều lệ Tổng công ty.
- Tham dự các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị theo thông báo.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng: 6.456.722.295 đồng

Thù lao HĐQT và BKS: 636.000.000 đồng.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

b1. Giao dịch cổ phiếu

Stt	Người thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Văn Mỹ	6.000	0,043%	8.000	0,057%	Mua
2	Lê Thị Hoàng Oanh	6.500	0,046%	9.500	0,067%	Mua
3	Hứa Kiến Trung	6.300	0,045%	7.300	0,052%	Mua
4	Phùng Danh Nguyên	2.800	0,02%	1.500	0,011%	Bán
5	Nguyễn Thị Thanh Vy	0	0%	3.000	0,021%	Mua

b2. Các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty: không phát sinh

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không phát sinh

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã thực hiện theo đúng các quy định về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤC VỤ MẶT ĐẤT SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Tháng 03 năm 2016

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	9 -10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	11 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám Đốc Công ty Cổ Phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 từ trang 06 đến trang 43 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám Đốc đã điều hành Công ty trong năm 2015 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản Trị

Ông Nguyễn Đình Hùng	Chủ tịch - Người đại diện theo pháp luật
Ông Lưu Quang Lâm	Phó chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên	Thành viên
Bà Lê Thị Diệu Thúy	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thùy Trang	Trưởng Ban
Bà Trần Dương Ngọc Thảo	Thành viên
Bà Phạm Phương Linh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đình Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hứa Kiến Trung	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Hoàng Oanh	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Phùng Danh Nguyên.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA – Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh (UHYACA).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám Đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám Đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám Đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤC VỤ MẶT ĐẤT SÀI GÒN

Nguyễn Đình Hùng
Tổng Giám Đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Số: 29 /2016/UHYACAHCM-BCKTĐL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 21 tháng 03 năm 2016, từ trang 6 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 1.7 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính: Công ty chính thức hoạt động với hình thức là Công ty cổ phần trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn từ ngày 31/12/2014. Số liệu trình bày tại ngày 01/01/2015 trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp và số liệu năm trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 06/01/2014 đến ngày 31/12/2014 của Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn. Theo đó, một số chỉ tiêu không hoàn toàn có thể so sánh được, bao gồm:

1. Bảng cân đối kế toán tổng hợp và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp:

- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi: Công ty áp dụng khoản 1, điều 10 Thông tư 127/2014/TT - BTC hướng dẫn về xử lý tài chính tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần, theo đó Báo cáo tài chính năm 2014 không thực hiện việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc khó có khả năng thu hồi. Tuy nhiên, trong năm 2015, Công ty thực hiện việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định hiện hành cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc khó có khả năng thu hồi của các năm trước với số tiền là 29.213.310.942 đồng.

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu: năm 2014, Công ty hoạt động dưới hình thức TNHH MTV nên 2 chỉ tiêu này không được tính toán.

2. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp:

- Chỉ tiêu Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu năm 2015 chỉ bao gồm cổ tức đã tạm ứng cho cổ đông (tỷ lệ 10%/cổ phiếu) và không bao gồm lợi nhuận (của những năm trước) đã chuyển về Tổng Công ty Cảng Hàng Không.

Ngoài ra, số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn cho giai đoạn từ 06/01/2014 đến 31/12/2014 là số liệu đã được điều chỉnh theo Biên bản quyết toán thuế, Biên bản bàn giao vốn và Biên bản kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014 của Kiểm toán Nhà nước.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán đã trình bày.

Phan Thanh Điền	**Lương Ngô Bảo Trân**
Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán	Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 1496-2014-112-1	số 1828-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA - CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**209.262.822.953**	**327.928.331.930**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**78.370.065.494**	**210.659.059.914**
Tiền	111		58.370.065.494	189.889.991.730
Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	20.769.068.184
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	**14.000.000.000**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	14.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**118.550.944.718**	**80.427.639.748**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	118.118.929.148	66.443.091.433
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.315.507.403	446.093.690
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	9.729.819.109	13.538.454.625
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(14.613.310.942)	-
Hàng tồn kho	**140**	**8**	**7.847.709.154**	**6.905.848.733**
Hàng tồn kho	141		7.847.709.154	6.905.848.733
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**4.494.103.587**	**15.935.783.535**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	251.970.484	60.161.431
Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.242.133.103	15.875.622.104
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**117.766.291.164**	**123.205.812.822**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**	**7**	-	**18.600.000.000**
Phải thu dài hạn khác	216		14.600.000.000	18.600.000.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(14.600.000.000)	-
Tài sản cố định	**220**		**116.301.070.079**	**88.982.562.124**
Tài sản cố định hữu hình	221	10	116.301.070.079	88.974.386.292
- Nguyên giá	*222*		*237.463.167.243*	*187.561.254.282*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(121.162.097.164)*	*(98.586.867.990)*
Tài sản cố định vô hình	227	11	-	8.175.832
- Nguyên giá	*228*		*774.068.000*	*774.068.000*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(774.068.000)*	*(765.892.168)*
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		-	**14.408.701.264**
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	14.408.701.264
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**13**	**190.000.000**	-
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		190.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	**260**		**1.275.221.085**	**1.214.549.434**
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	775.599.265	1.214.549.434
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		499.621.820	-
TỔNG TÀI SẢN	**270**		**327.029.114.117**	**451.134.144.752**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**118.256.964.097**	**310.626.144.752**
Nợ ngắn hạn	**310**		**118.256.964.097**	**310.626.144.752**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	35.098.291.191	18.427.542.057
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		371.737.830	90.608.800
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	8.035.710.307	4.798.839.991
Phải trả người lao động	314		67.358.210.668	76.157.623.203
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	401.460.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	2.770.398.483	185.559.760.340
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.221.155.618	25.591.770.361
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**208.772.150.020**	**140.508.000.000**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**18**	**208.772.150.020**	**140.508.000.000**
Vốn góp của chủ sở hữu	411		140.508.000.000	140.508.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*140.508.000.000*	*140.508.000.000*
Cổ phiếu quỹ	415		(28.000.000)	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		68.292.150.020	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*68.292.150.020*	-
TỔNG NGUỒN VỐN	**440**		**327.029.114.117**	**451.134.144.752**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc
Đặng Thị Minh Nguyệt	Phùng Danh Nguyên	Nguyễn Đình Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Từ 06/01/2014 đến 31/12/2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**20**	**598.936.722.011**	**472.875.924.918**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**598.936.722.011**	**472.875.924.918**
Giá vốn hàng bán	**11**	**21**	**413.643.261.424**	**342.423.146.258**
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	**20**		**185.293.460.587**	**130.452.778.660**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	5.514.416.485	4.596.802.183
Chi phí tài chính	22	23	764.901.970	1.579.830.077
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	78.486.372.876	35.497.504.010
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**111.556.602.226**	**97.972.246.756**
Thu nhập khác	31	26	116.659.374	190.597.356
Chi phí khác	32	27	292.089.653	273.686.779
Lợi nhuận khác	**40**		**(175.430.279)**	**(83.089.423)**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**111.381.171.947**	**97.889.157.333**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	25.216.359.970	22.284.380.888
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	(499.621.820)	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**86.664.433.797**	**75.604.776.445**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**30**	**5.844**	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	**31**	**5.844**	-

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc
Đặng Thị Minh Nguyệt	Phùng Danh Nguyên	Nguyễn Đình Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Từ 06/01/2014 đến 31/12/2014 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		**111.381.171.947**	**97.889.157.333**
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		22.583.405.006	6.288.439.782
Các khoản dự phòng	03		29.213.310.942	-
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền	04		(178.092.755)	(228.385.399)
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05		(852.646.081)	(3.011.604.251)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		***162.147.149.059***	***100.937.607.465***
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(37.109.997.648)	(18.839.960.731)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		(941.860.421)	3.418.877.304
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(6.971.979.090)	237.624.612.210
(Tăng)/ Giảm chi phí trả trước	12		247.141.116	35.698.583
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(23.847.232.609)	(17.792.076.319)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		480.644.425	47.750.352.514
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(191.568.457.128)	(51.958.025.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		***(97.564.592.296)***	***301.177.086.026***
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(35.493.211.697)	(70.248.699.923)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(64.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		14.000.000.000	50.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(190.000.000)	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		848.792.631	3.260.528.563
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		***(20.834.419.066)***	***(80.988.171.360)***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (TIẾP)

(Phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Từ 06/01/2014 đến 31/12/2014 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(28.000.000)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.050.800.000)	(28.093.901.836)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(14.078.800.000)***	***(28.093.901.836)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**(132.477.811.362)**	**192.095.012.830**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**5**	**210.659.059.914**	**18.539.840.212**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		188.816.942	24.206.872
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**5**	**78.370.065.494**	**210.659.059.914**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc
Đặng Thị Minh Nguyệt	Phùng Danh Nguyên	Nguyễn Đình Hùng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0312610240 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2014 và thay đổi lần thứ hai vào ngày 15 tháng 05 năm 2015.

Tên gọi đầy đủ bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤC VỤ MẶT ĐẤT SÀI GÒN.

Trụ sở chính: Số 58 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty trên Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp là 140.508.000.000 đồng.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại Mặt đất.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không, chi tiết:

- Trực tiếp sản xuất, kinh doanh tại các cảng hàng không sân bay;
- Khai thác kết cấu hạ tầng, trang thiết bị, thiết bị cảng hàng không, sân bay;
- Cung ứng các dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị hàng không và các trang thiết bị khác;
- Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ khoa học, công nghệ trong và ngoài nước;
- Cung ứng dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất;
- Cung ứng các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa;
- Mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng, thiết bị hàng không;
- Dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các công ty vận tải, du lịch các nhà sản xuất, cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành hàng không;
- Cung ứng các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không sân bay;
- Cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu tại các cảng hàng không, sân bay;
- Kinh doanh kho hàng hóa, giao nhận hàng hóa;
- Sửa chữa, bảo trì, lắp đặt các trang thiết bị điện, điện tử, cơ khí chuyên ngành, công trình dân dụng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)./.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp dịch vụ kỹ thuật thương mại Mặt đất. Theo đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là ngắn ngày và quay vòng thường xuyên, liên tục trong một tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 NHỮNG ẢNH HƯỞNG QUAN TRỌNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP TỔNG HỢP CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2015

Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0312610240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh, kế thừa toàn bộ các quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty TNHH Một thành viên Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.

Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 11/BB-HĐQT ngày 28/01/2015 của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn, để thuận tiện cho công tác kế toán, Hội đồng Quản trị đã quyết định chọn ngày 01/01/2015 là ngày chuyển đổi thành công ty cổ phần.

1.6 CẤU TRÚC CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty không có các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết.

Chi nhánh Đà Nẵng là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0312610240-001 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 04 năm 2015. Địa chỉ tại: Cảng Hàng Không Quốc Tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng.

1.7 KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở hợp cộng số liệu trên Báo cáo tài chính của Văn phòng và Báo cáo tài chính của Chi nhánh Đà Nẵng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Công ty chính thức hoạt động với hình thức là Công ty cổ phần trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn từ ngày 31/12/2014. Số liệu trình bày tại ngày 01/01/2015 trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp và số liệu năm trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 06/01/2014 đến ngày 31/12/2014 của Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn. Theo đó, một số chỉ tiêu không hoàn toàn có thể so sánh được, bao gồm:

1. Bảng cân đối kế toán tổng hợp và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi: Công ty áp dụng khoản 1, điều 10 Thông tư 127/2014/TT - BTC hướng dẫn về xử lý tài chính tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần, theo đó Báo cáo tài chính năm 2014 không thực hiện việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc khó có khả năng thu hồi. Tuy nhiên, trong năm 2015, Công ty thực hiện việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định hiện hành cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc khó có khả năng thu hồi của các năm trước với số tiền là 29.213.310.942 đồng.

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu: năm 2014, Công ty hoạt động dưới hình thức TNHH MTV nên 2 chỉ tiêu này không được tính toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.7 KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

2. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp:

- Chỉ tiêu Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu năm 2015 chỉ bao gồm cổ tức đã tạm ứng cho cổ đông (tỷ lệ 10%/cổ phiếu) và không bao gồm lợi nhuận (của những năm trước) đã chuyển về Tổng Công ty Cảng Hàng Không.

Ngoài ra, số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn cho giai đoạn từ 06/01/2014 đến 31/12/2014 là số liệu đã được điều chỉnh theo Biên bản quyết toán thuế, Biên bản bàn giao vốn và Biên bản kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014 của Kiểm toán Nhà nước.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỲ KẾ TOÁN NĂM

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý.

Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty (nếu có) được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.5 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.5 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP)

Đối với các tài sản cố định hoàn thành và đã đưa vào sử dụng nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao. Khi có quyết toán được duyệt sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng, không điều chỉnh lại chi phí khấu hao đã trích mà sẽ điều chỉnh giá trị khấu hao (tăng hoặc giảm) tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định.

Đối với các tài sản cố định hữu hình hiện có tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, nguyên giá của các tài sản này được ghi nhận theo giá được đánh giá lại theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên Phục vụ Mặt đất Sài Gòn tại thời điểm 31/03/2014 đã được Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt tại Quyết định số 2189/QĐ-BGTVT ngày 10/06/2014.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với thời gian khấu hao tài sản cố định đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 08
Thiết bị Văn phòng	04 - 06

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá, bao gồm bản quyền máy tính được khấu hao trong 3 năm và phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 5 năm.

4.6 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính tổng hợp tổng hợp. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.7 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các chi phí sử dụng vô tuyến điện từ, phí cước Metrowan, phí sử dụng phần mềm mail server và các chi phí khác có thời hạn phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ được đánh giá lại qua xác định giá trị doanh nghiệp, chi phí bản quyền phần mềm Kaspersky được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.8 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả được ghi nhận là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

4.9 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp, không ghi nhận theo số cam kết, số phải thu của các chủ sở hữu. Khi nhà đầu tư góp vốn bằng ngoại tệ theo tiến độ, Công ty sẽ áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại từng thời điểm thực góp để quy đổi ra Việt Nam Đồng và ghi nhận vào vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần (nếu có).

Trường hợp nhận vốn góp bằng tài sản thì phản ánh tăng Vốn đầu tư của chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận.

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, được phản ánh chi tiết theo hai chỉ tiêu riêng như sau: Vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần: Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi. Còn thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ).

Vốn khác của Chu sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (khi các khoản này được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

4.10 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận được phân phối theo Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

4.11 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một các chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.11 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm: Dịch vụ hàng không (cho thuê quầy làm thủ tục, kéo dẫy máy bay, phục vụ mặt đất, dịch vụ hàng không khác) và Dịch vụ phi hàng không (Phục vụ khách VIP, F, C; dịch vụ đào tạo; dịch vụ hành lý, hàng hóa và dịch vụ phi hàng không khác).

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán).

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

4.12 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN NGOẠI TỆ

Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong các giao dịch kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh TP.HCM.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận doanh thu và nợ phải thu là tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh TP.HCM.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh TP.HCM tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ (nếu có) cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.13 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay Quốc tế thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng với thuế suất 0%; doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay Quốc nội chịu thuế suất 10%; doanh thu cung cấp dịch vụ đào tạo không chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 218/2013/ND - CP do Chính phủ ban hành ngày 26/12/2013 hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 có hiệu lực thi hành tại ngày 01/01/2014 là 22% tính trên thu nhập chịu thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện giá trị của số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và số thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán là 20%. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác và các khoản nợ.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Dịch vụ của Công ty cung cấp là dịch vụ đặc thù của ngành hàng không, phần lớn khách hàng sử dụng dịch vụ trọn gói, các dịch vụ tách rời và dịch vụ phụ không đáng kể, vì vậy Công ty xác định không có sự khác biệt về lĩnh vực kinh doanh cho toàn bộ hoạt động của Công ty.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Vì vậy, báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Khoản mục không được phân bổ là chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.14 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.

- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là Tổng Công Ty Cảng Hàng Không Việt Nam, các Công ty trực thuộc Tổng Công ty, các Công ty con, Công ty liên kết do Tổng Công ty đầu tư và chi phối, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám Đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Tiền mặt	1.194.000	38.026.500
Tiền gửi ngân hàng	58.368.871.494	189.851.965.230
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	20.769.068.184
Cộng	**78.370.065.494**	**210.659.059.914**

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Công ty Cổ phần Hàng Không VietJet	55.336.403.370	18.079.493.578
- Công ty Cổ phần Hàng không Mê Kông (*)	5.508.337.650	6.508.337.650
- Transaero Airlines (*)	3.104.973.292	2.674.916.451
- Các khoản phải thu khách hàng khác	54.169.214.836	39.180.343.754
Cộng	**118.118.929.148**	**66.443.091.433**
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
- Công ty CP DV Hàng Không Sân Bay Tân Sơn Nhất	56.137.939	118.641.720
- Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Dưỡng Máy Bay Cảng Hàng Không Miền Nam	42.000.000	-
Cộng	**98.137.939**	**118.641.720**

(*) Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty đã xem xét trích lập dự phòng 100% công nợ phải thu khó đòi của Công ty Cổ phần Hàng không Mê Kông và Transaero Airlines.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	**9.729.819.109**	**6.000.000.000**	**13.538.454.625**	-
- Công ty cho thuê Tài chính II - Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam (*)	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	-
- Tạm ứng Công trình	2.709.820.889	-	6.539.647.946	-
- Ký cược, ký quỹ	45.000.000	-	5.000.000	-
- Chi hộ các hãng hàng không	363.460.758	-	144.346.670	-
- Tạm ứng	46.000.000	-	-	-
- Bảo hiểm xã hội	188.902.997	-	360.771.719	-
- Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	252.777.762	-	248.924.312	-
- Phải thu khác	123.856.703	-	239.763.978	-
Dài hạn	**14.600.000.000**	**14.600.000.000**	**18.600.000.000**	-
- Công ty cho thuê Tài chính II - Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam (*)	14.600.000.000	14.600.000.000	18.600.000.000	-
Cộng	**24.329.819.109**	**20.600.000.000**	**32.138.454.625**	-

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả gốc và lãi) đã quá hạn thanh toán. Tại thời điểm 31/12/2014, Công ty áp dụng Thông tư số 127/2014/TT-BTC hướng dẫn xử lý tài chính thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chính thức chuyển thành công ty cổ phần, nên Công ty không thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Theo kết luận của tòa án, Công ty Cho Thuê Tài Chính II – Ngân Hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam có nghĩa vụ trả phần gốc và lãi kể từ ngày 10/07/2014, số tiền trả mỗi tháng ít nhất là 500.000.000 đồng. Từ ngày 01/01/2015, Công ty đã đánh giá khả năng thu hồi của khoản nợ nêu trên và trích lập dự phòng phải thu khó đòi với giá trị lũy kế đến 31/12/2015 là 20.600.000.000 đồng.

8. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.581.950.798	-	6.777.915.623	-
Công cụ, dụng cụ	1.265.758.356	-	127.933.110	-
Cộng	**7.847.709.154**	-	**6.905.848.733**	-

9. NỢ XẤU

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	**29.213.310.942**	-	**33.783.254.101**	**33.783.254.101**
+ Công ty cho thuê Tài chính II - Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam	20.600.000.000	-	24.600.000.000	24.600.000.000
+ Công ty Cổ phần Hàng Không Mê Kông	5.508.337.650	-	6.508.337.650	6.508.337.650
+ Transaero Airlines	3.104.973.292	-	2.674.916.451	2.674.916.451

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2015	-	**11.875.878.066**	**171.810.712.682**	**3.874.663.534**	**187.561.254.282**
- Mua trong năm	-	2.621.730.000	27.473.645.708	619.500.000	**30.714.875.708**
- Đầu tư XDCB hoàn thành	19.187.037.253	-	-	-	**19.187.037.253**
- Phân loại lại	-	(6.629.265.443)	-	6.629.265.443	-
Tại 31/12/2015	**19.187.037.253**	**7.868.342.623**	**199.284.358.390**	**11.123.428.977**	**237.463.167.243**
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2015	-	**(7.245.754.274)**	**(89.197.558.772)**	**(2.143.554.944)**	**(98.586.867.990)**
- Khấu hao trong năm	(559.093.330)	(1.131.804.098)	(19.741.701.524)	(1.142.630.222)	**(22.575.229.174)**
- Phân loại lại	-	4.262.091.778	-	(4.262.091.778)	-
Tại 31/12/2015	**(559.093.330)**	**(4.115.466.594)**	**(108.939.260.296)**	**(7.548.276.944)**	**(121.162.097.164)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2015	-	**4.630.123.792**	**82.613.153.910**	**1.731.108.590**	**88.974.386.292**
Tại 31/12/2015	**18.627.943.923**	**3.752.876.029**	**90.345.098.094**	**3.575.152.033**	**116.301.070.079**

- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2015 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng.
- Nguyên giá nhà cửa vật kiến trúc tăng trong năm là giá tạm tính tăng của công trình xưởng sửa chữa và phục vụ trên tàu SAGS - 1, ngày 01 tháng 04 năm 2015 nhà xưởng đã được đưa vào sử dụng, đến tháng 1/2016 công trình đã được quyết toán và đang thực hiện các thủ tục kiểm toán quyết toán công trình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền bằng sáng chế VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2015	**514.288.000**	**259.780.000**	**774.068.000**
Tại 31/12/2015	**514.288.000**	**259.780.000**	**774.068.000**
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Tại 01/01/2015	**(506.112.168)**	**(259.780.000)**	**(765.892.168)**
- Khấu hao trong năm	(8.175.832)	-	(8.175.832)
Tại 31/12/2015	**(514.288.000)**	**(259.780.000)**	**(774.068.000)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2015	**8.175.832**	-	**8.175.832**
Tại 31/12/2015	-	-	-

Nguyên giá TSCD tại ngày 31/12/2015 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 774.068.000 đồng.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Ngắn hạn	**251.970.484**	**60.161.431**
- Chi phí dịch vụ vô tuyến điện tử	88.120.000	5.825.753
- Phí cước Metrowan	73.705.589	-
- Phần mềm mail server	59.773.691	-
- Bản quyền phần mềm Kaspersky	-	52.985.678
- Phí dịch vụ khác	30.371.204	1.350.000
Dài hạn	**775.599.265**	**1.214.549.434**
- Giá trị công cụ dụng cụ tăng qua xác định giá trị doanh nghiệp	607.274.723	1.214.549.434
- Bản quyền phần mềm Kaspersky	131.157.872	-
- Chi phí dịch vụ vô tuyến điện tử tại DAD	37.166.670	-
Cộng	**1.027.569.749**	**1.274.710.865**

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty CP DV Tổng hợp Sài Gòn (*)	190.000.000	-	-	-
Cộng	**190.000.000**	-	-	-

(*) Là khoản góp vốn vào Công ty CP DV Tổng hợp Sài Gòn với tỷ lệ sở hữu 19%/tổng vốn điều lệ.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
- CN Tổng Công Ty Hàng Không VN - Cảng Hàng Không Quốc Tế Tân Sơn Nhất	24.125.850.575	24.125.850.575	12.516.601.506	12.516.601.506
- Cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng - CN Tổng Công ty cảng Hàng không Việt Nam	3.826.206.326	3.826.206.326	-	-
- Tổng Công Ty Cảng Hàng Không Việt Nam	1.718.527.654	1.718.527.654	4.137.226.317	4.137.226.317
- Các đối tượng khác	5.427.706.636	5.427.706.636	1.773.714.234	1.773.714.234
Cộng	**35.098.291.191**	**35.098.291.191**	**18.427.542.057**	**18.427.542.057**
b. Phải trả người bán là các bên liên quan				
- Tổng Công Ty Cảng Hàng Không Việt Nam	1.718.527.654	1.718.527.654	4.137.226.317	4.137.226.317
- CN Tổng Công Ty Hàng Không VN - Cảng Hàng Không Quốc Tế Tân Sơn Nhất	24.125.850.575	24.125.850.575	12.516.601.506	12.516.601.506
- Cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng - CN Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	3.826.206.326	3.826.206.326	-	-
- Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Hàng Không Sân Bay Tân Sơn	3.790.000	3.790.000	1.699.000	1.699.000
- Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Dưỡng Máy Bay Cảng Hàng Không Miền Nam	4.270.000	4.270.000	4.270.000	4.270.000
Cộng	**29.678.644.555**	**29.678.644.555**	**16.659.796.823**	**16.659.796.823**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đầu kỳ VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Cuối kỳ VND
Thuế GTGT đầu ra	-	1.589.036.569	1.174.500.465	414.536.104
Thuế TNDN	4.492.304.569	25.216.359.970	23.847.232.609	5.861.431.930
Thuế TNCN	186.963.435	12.182.905.596	10.610.126.758	1.759.742.273
Thuế môn bài	-	4.500.000	4.500.000	-
Thuế nhà thầu	33.619.824	50.833.499	84.453.323	-
Nộp bổ sung thuế TNDN 2014	12.893.518	-	12.893.518	-
Nộp bổ sung thuế TNCN 2014	73.058.645	-	73.058.645	-
Các khoản phải nộp khác	-	2.100.000	2.100.000	-
Cộng	**4.798.839.991**	**39.045.735.634**	**35.808.865.318**	**8.035.710.307**

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Thù lao HĐQT và BKS	159.000.000	-
Chi phí sử dụng Sita	242.460.000	-
Cộng	**401.460.000**	**-**

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Phải trả về cổ phần hoá	-	165.863.118.728
Phải nộp lợi nhuận về Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam	-	6.932.443.098
Phải nộp Quỹ đầu tư phát triển về Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam	-	9.785.516.763
Giữ 8% giá trị xây dựng chờ quyết toán	-	1.230.591.460
Kinh phí công đoàn	638.662.731	289.953.719
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.377.952.500	661.935.750
Phải trả tiền vé, hoa hồng bán vé đã thu hộ	371.820.387	254.363.070
Phải trả tiền ốm đau thai sản	176.360.630	205.155.608
Các khoản phải trả, phải nộp khác	205.602.235	336.682.144
Cộng	**2.770.398.483**	**185.559.760.340**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Tỷ lệ %	Tại 31/12/2015 Giá trị VND	Tỷ lệ %	Tại 01/01/2015 Giá trị VND
Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam	55,51%	77.998.080.000	55,51%	77.998.080.000
Công Ty CP Đầu Tư Khai Thác Cảng	13,00%	18.266.040.000	13,00%	18.266.040.000
Công ty Cổ Phần Hàng Không Vietjet	4,00%	5.620.320.000	4,00%	5.620.320.000
Công ty CP TMDV Hoàn Lộc Việt	2,25%	3.163.640.000	2,25%	3.163.640.000
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	17,44%	24.510.920.000	17,44%	24.510.920.000
Các cổ đông khác	7,78%	10.929.000.000	7,79%	10.949.000.000
Cổ phiếu quỹ	0,01%	20.000.000	-	-
Cộng	**100%**	**140.508.000.000**	**100%**	**140.508.000.000**

18.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2015 VND	Từ 06/01/2014 đến 31/12/2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	140.508.000.000	-
Vốn góp tăng trong kỳ	-	140.508.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	140.508.000.000	140.508.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia (*)	14.050.800.000	-

(*) Năm 2015, Công ty tạm ứng cổ tức với tỷ lệ 10%/cổ phiếu theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT ngày 12/11/2015.

18.3 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2015 Cổ phiếu	Tại 01/01/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.050.800	14.050.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.050.800	14.050.800
Cổ phiếu phổ thông	*14.050.800*	*14.050.800*
Số lượng cổ phiếu được mua lại	2.000	-
Cổ phiếu phổ thông	*2.000*	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.048.800	14.050.800
Cổ phiếu phổ thông	*14.048.800*	*14.050.800*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

18.4 BẢNG BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 06/01/2014						
- Tăng vốn trong kỳ trước	102.744.210.352	-	-	-	-	102.744.210.352
- Đánh giá lại tài sản trong kỳ	-	37.763.087.296	-	-	-	37.763.087.296
- Kết chuyển tăng vốn chủ sở hữu từ chênh lệch đánh giá lại tài sản	37.763.087.296	(37.763.087.296)	-	-	-	-
- Lợi nhuận trong kỳ (*)	-	-	-	-	75.604.776.445	75.604.776.445
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	22.681.432.933	(22.681.432.933)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(30.760.295.361)	(30.760.295.361)
- Chuyển Quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận về Tổng Công ty (*)	702.352	-	-	(22.681.432.933)	(22.163.048.151)	(44.843.778.732)
Tại 31/12/2014	**140.508.000.000**	-	-	-	-	**140.508.000.000**
Tại 01/01/2015	**140.508.000.000**	-	-	-	-	**140.508.000.000**
- Lãi trong năm	-	-	-	-	86.664.433.797	86.664.433.797
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (**)	-	-	-	-	(4.321.483.777)	(4.321.483.777)
- Tạm ứng cổ tức năm 2015 (***)	-	-	-	-	(14.050.800.000)	(14.050.800.000)
- Mua lại cổ phiếu trong năm	-	-	(28.000.000)	-	-	(28.000.000)
Tại 31/12/2015	**140.508.000.000**	-	**(28.000.000)**	-	**68.292.150.020**	**208.772.150.020**

(*) Công ty điều chỉnh số liệu trích lập quỹ, chuyển quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận về Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước.

(**) Trong năm 2015, Công ty tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi với tỷ lệ 5% Lợi nhuận sau thuế theo biên bản họp Hội đồng quản trị số 63A/BB-HĐQT ngày 25/12/2015.

(***) Công ty tạm ứng cổ tức năm 2015 với tỷ lệ 10%/cổ phiếu theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT ngày 12/11/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

19.1 TÀI SẢN THUÊ NGOÀI

Là tài sản thuê hoạt động với Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài sản số 20/ACV-SAGS ngày 10/02/2015 với thời hạn thuê từ 01/01/2015 đến 31/12/2015 và HĐ 96/HĐ/ACV-SAGS với thời hạn thuê từ 01/05/2015 đến 31/12/2016. Mục đích thuê trang thiết bị, phương tiện của Công ty là nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Giá trị tài sản thuê ngoài		
Tài sản khác thuê ngoài	138.566.822.827	69.160.684.443
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	19.374.890.913	10.222.463.656
Trên 1 năm đến 5 năm	-	-

19.2 NGOẠI TỆ CÁC LOẠI

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	VND	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ
Ngoại tệ các loại				
Đô la Mỹ (USD)	31.513.216.537	1.403.706,75	14.118.511.061	660.669,68
Đô la Singapore (SGD)	3.864.960	244,00	3.938.160	244,00

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015 VND	Từ 06/01/2014 đến 31/12/2014 VND
a. Doanh thu	**598.936.722.011**	**472.875.924.918**
+ Doanh thu hàng không	577.866.862.526	462.296.523.913
+ Doanh thu phi hàng không	21.069.859.485	10.579.401.005
b. Doanh thu với các bên liên quan	**7.993.424.590**	**1.818.276.860**
+ Công ty CP DV Hàng Không Sân Bay Tân Sơn Nhất	589.025.790	-
+ Tổng Công Ty Cảng Hàng Không Việt Nam	7.223.398.800	676.610.000
+ Công ty TNHH DV Bảo dưỡng máy bay Cảng HK Miền Nam	66.000.000	25.000.000
+ Công ty CP Vận Tải Hàng Không Miền Nam	115.000.000	-
+ Công ty TNHH MTV Dịch vụ HK Sân bay Tân Sơn Nhất	-	1.116.666.860

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015 VND	Từ 06/01/2014 đến 31/12/2014 VND
Giá vốn dịch vụ	413.643.261.424	342.423.146.258
Cộng	**413.643.261.424**	**342.423.146.258**

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Từ 06/01/2014 đến 31/12/2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	852.646.081	3.011.604.252
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.483.677.649	1.356.812.532
Lãi do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối năm	178.092.755	228.385.399
Cộng	**5.514.416.485**	**4.596.802.183**

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Từ 06/01/2014 đến 31/12/2014 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	764.901.970	1.579.830.077
Cộng	**764.901.970**	**1.579.830.077**

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015 VND	Từ 06/01/2014 đến 31/12/2014 VND
Chi phí nhân công	19.813.689.115	8.203.498.206
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	2.325.292.536	1.899.835.672
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa TSCĐ	-	989.745.519
Chi phí khấu hao TSCĐ	774.671.983	338.443.714
Chi phí thuế phí, lệ phí	35.276.594	980.058.957
Chi phí lập dự phòng	29.213.310.942	-
Chi phí nhượng quyền khai thác	8.674.764.652	6.934.447.859
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.328.549.338	15.820.901.121
Chi phí khác bằng tiền khác	320.817.716	330.572.962
Cộng	**78.486.372.876**	**35.497.504.010**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015 VND	Từ 06/01/2014 đến 31/12/2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	18.725.253.407	17.466.636.897
Chi phí nhân công	220.097.811.119	150.765.705.891
Khấu hao tài sản cố định	22.583.405.006	6.288.439.782
Chi phí thuế phí, lệ phí	333.180.042	1.270.777.316
Chi phí lập dự phòng	29.213.310.942	-
Chi phí nhượng quyền khai thác	8.674.764.652	6.934.447.859
Chi phí dịch vụ mua ngoài	192.176.641.416	194.864.069.561
Chi phí bằng tiền khác	325.267.716	330.572.962
Cộng	**492.129.634.300**	**377.920.650.268**

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015 VND	Từ 06/01/2014 đến 31/12/2014 VND
Thu bán hồ sơ thầu	18.181.828	1.818.180
Thu lại tiền đào tạo, bồi thường của nhân viên nghỉ việc	43.800.000	-
Xử lý nợ (*)	7.487.562	-
Phạt vi phạm hợp đồng	44.820.010	47.636.002
Thanh lý nhượng bán TSCĐ	-	95.185.483
Thu nhập khác	2.369.974	45.957.691
Cộng	**116.659.374**	**190.597.356**

(*) Xử lý nợ của China Airline với số tiền 336,60 USD tương đương 7.487.562 đồng.

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015 VND	Từ 06/01/2014 đến 31/12/2014 VND
Thuế GTGTgiai đoạn 01/01/2015 đến 30/04/2015 không đủ điều kiện được hoàn	182.081.523	-
Thuế GTGT năm 2014 không đủ điều kiện hoàn	-	77.168.533
Tiền miễn thường theo HĐ bảo hiểm AV14-15/SAGS	64.500.000	-
Tiền hỗ trợ sự đoàn kỷ niệm 40 năm thành lập	20.000.000	-
Xử lý nợ phải thu quá hạn (*)	20.232.130	-
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCD	-	95.185.483
Chi hồi thường vi phạm Hợp đồng	-	63.360.000
Lãi chậm nộp	-	36.355.430
Chi phí khác	5.276.000	1.617.333
Cộng	**292.089.653**	**273.686.779**

(*) Xử lý công nợ phải thu quá hạn, cụ thể:

- Công ty CP TM Dịch vụ P&T: 12.123.000 đồng.
- Shenzhen Airline: 299,28 USD tương đương 6.717.340 đồng.
- Shanghai Airline: 62 USD tương đương 1.391.590 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm 2015 VND	Từ 06/01/2014 đến 31/12/2014 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**111.381.171.947**	**97.889.157.333**
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	3.238.646.102	3.403.483.065
Các khoản điều chỉnh tăng	3.473.404.367	3.524.318.478
- Chi phí không được trừ	*975.295.265*	*3.403.483.065*
- Trích dự phòng Transero Airline	*2.255.649.102*	-
- Chi phí phải trả	*242.460.000*	-
- Chênh lệch do đánh giá lại số dư ngoại tệ tại 31/03/2014	-	*120.835.413*
Các khoản điều chỉnh giảm	(234.758.265)	(120.835.413)
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư khoản mục tiền tệ cuối năm	*(234.758.265)*	*(120.835.413)*
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	114.619.818.049	101.292.640.398
Thuế suất	22%	22%
Thuế TNDN hiện hành	**25.216.359.970**	**22.284.380.888**

29. CHI PHÍ THUẾ TNDN HOÃN LẠI

	Năm 2015 VND	Từ 06/01/2014 đến 31/12/2014 VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	**2.498.109.102**	-
- Trích dự phòng Transero Airline	2.255.649.102	-
- Chi phí phải trả	242.460.000	-
Thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi	**20%**	-
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ	**(499.621.820)**	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**(499.621.820)**	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2015	Từ 06/01/2014 đến 31/12/2014
- Lợi nhuận/Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	86.664.433.797	-
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(234.758.265)	-
+ Lãi đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối năm các khoản mục tiền tệ (VND)	*(234.758.265)*	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	86.429.675.532	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(4.321.483.777)	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	14.050.762	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu) (*)	**5.844**	-

(*) Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH Một thành viên đến 31/12/2014, do đó, Công ty không tính toán chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn từ 06/01/2014 đến 31/12/2014.

31. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2015	Từ 06/01/2014 đến 31/12/2014
- Lợi nhuận/Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	86.664.433.797	-
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(234.758.265)	-
+ Lãi đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối năm các khoản mục tiền tệ (VND)	*(234.758.265)*	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	86.429.675.532	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(4.321.483.777)	-
- Tổng số lượng cổ phiếu	14.050.762	-
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	*14.050.762*	-
+ Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (Cổ phiếu)	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu) (*)	**5.844**	-

(*) Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH Một thành viên đến 31/12/2014, do đó, Công ty không tính toán chỉ tiêu lãi suy giảm trên cổ phiếu cho giai đoạn từ 06/01/2014 đến 31/12/2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

32.1 GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA TÀI SẢN VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Công ty chưa thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.14.

32.2 TÀI SẢN ĐẢM BẢO

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Trong năm, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp.

Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản tài chính đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/12/2015.

32.3 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Rủi ro tỷ giá

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty có phát sinh giao dịch với các đối tác nước ngoài, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tỷ giá thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm bán khi cần thiết để hạn chế mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Tổng Giám Đốc không hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

32.3 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tỷ giá (tiếp)

Tại 31/12/2015	Nguyên tệ		VND tương đương	
Tài sản tài chính	**USD**	**SGD**	**USD**	**SGD**
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.403.706,75	244,00	31.513.216.537	3.864.960
Phải thu khách hàng	2.381.818,16	-	53.471.817.694	-
Tài sản tài chính khác	1.750,00	-	39.287.500	-
Cộng	**3.787.274,91**	**244,00**	**85.024.321.731**	**3.864.960**
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính khác	55.950,00	-	1.256.077.500	
Cộng	**55.950,00**	**-**	**1.256.077.500**	**-**

Rủi ro lãi suất

Công ty không chịu rủi ro lãi suất do Công ty không có các khoản vay.

Rủi ro về giá

Công ty thực hiện giao dịch với các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, Công ty chịu rủi ro về giá nếu yếu tố giá đầu vào của các dịch vụ được cung cấp biến động. Công ty chưa thực hiện biện pháp phòng ngừa rủi ro do thị trường mua các công cụ tài chính này chưa phổ biến.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã trích lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

32.3 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP)

RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả cũng như trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến dưới 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại 31/12/2015				
Phải trả người bán	35.098.291.191	-	-	35.098.291.191
Chi phí phải trả	401.460.000	-	-	401.460.000
Nợ phải trả khác	1.955.375.122	-	-	1.955.375.122
Cộng	**37.455.126.313**	-	-	**37.455.126.313**
Tại 01/01/2015				
Phải trả người bán	18.427.542.057	-	-	18.427.542.057
Nợ phải trả khác	2.483.572.424	-	-	2.483.372.424
Cộng	**20.911.114.481**	-	-	**20.911.114.481**

Ban Tổng Giám Đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám Đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

32.3 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP)

RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.370.065.494	-	-	78.370.065.494
Phải thu khách hàng	109.505.618.206	-	-	109.505.618.206
Đầu tư dài hạn	-	190.000.000	-	190.000.000
Tài sản tài chính khác	3.494.916.112	-	-	3.494.916.112
Cộng	**191.370.599.812**	**190.000.000**	**-**	**191.560.599.812**
Tại 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.613.040.187	-	-	43.613.040.187
Đầu tư ngắn hạn	14.000.000.000	-	-	14.000.000.000
Phải thu khách hàng	66.443.091.433	-	-	66.443.091.433
Tài sản tài chính khác	13.177.682.906	18.600.000.000	-	31.777.682.906
Cộng	**137.233.814.526**	**18.600.000.000**	**-**	**155.833.814.526**

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực địa lý bao gồm: bộ phận tại văn phòng Tp. Hồ Chí Minh và Chi nhánh Đà Nẵng.

Báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

Năm 2015	Tại Văn phòng Tp. Hồ Chí Minh	Tại Chi nhánh Đà Nẵng	Không phân bổ	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bộ phận	545.361.176.645	53.575.545.365	-	598.936.722.011
Chi phí bộ phận	444.114.760.952	48.014.873.348	-	492.129.634.300
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	***101.246.415.693***	***5.560.672.018***	-	***106.897.087.711***
Doanh thu tài chính	5.443.388.859	71.027.626	-	5.514.416.485
Chi phí tài chính	718.337.439	46.564.531	-	764.901.970
Thu nhập khác	71.826.024	44.833.350	-	116.659.374
Chi phí khác	292.089.653	-	-	292.089.653
Lợi nhuận trước thuế	***105.751.203.484***	***5.629.968.463***	-	***111.381.171.947***
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	25.216.359.970	25.216.359.970
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	(499.621.820)	(499.621.820)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				***86.664.433.797***

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. CÁC THÔNG TIN KHÁC

34.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2015 VND	Từ 06/01/2014 đến 31/12/2014 VND
Doanh thu với các bên liên quan	**7.993.424.590**	**1.818.276.860**
- Công ty CP DV Hàng Không Sân Bay Tân Sơn Nhất	589.025.790	1.116.666.860
- Tổng Công Ty Cảng Hàng Không Việt Nam	7.223.398.800	676.610.000
- Công ty TNHH DV Bảo dưỡng máy bay Cảng HK Miền Nam	66.000.000	25.000.000
- Công ty CP Vận Tải Hàng Không Miền Nam	115.000.000	-
Mua hàng với các bên liên quan	**160.461.000.561**	**160.193.469.146**
- Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	17.346.686.150	37.512.455.547
- CN TCT Cảng HK Việt Nam - Cảng HK Quốc tế Tân Sơn Nhất	129.338.112.423	121.518.293.518
- Cảng HK Quốc tế Đà Nẵng - CN TCT Cảng HK Việt Nam	13.216.466.751	
- Công ty CP Thương Mại Hàng Không Miền Nam	117.380.725	79.352.538
- Công ty CP Dịch vụ HK Sân bay Tân Sơn Nhất	130.081.786	1.075.603.907
- Công ty CP Vận tải hàng không Miền Nam	292.863.636	
- Công ty TNHH DV Bảo dưỡng máy bay Cảng HK Miền Nam	19.409.090	7.763.636

Số dư các bên liên quan

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Phải thu khách hàng	**98.137.939**	**118.641.720**
- Công ty CP DV Hàng Không Sân Bay Tân Sơn Nhất	56.137.939	118.641.720
- Công ty TNHH DV Bảo dưỡng máy bay Cảng HK Miền Nam	42.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

34.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư các bên liên quan

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Phải trả người bán	**29.678.644.555**	**16.659.796.823**
- Tổng Công Ty Cảng Hàng Không Việt Nam	1.718.527.654	4.137.226.317
- CN Tổng Công Ty Hàng Không VN - Cảng Hàng Không Quốc Tế Tân Sơn Nhất	24.125.850.575	12.516.601.506
- Cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng - CN Tổng Công ty cảng Hàng không Việt Nam	3.826.206.326	-
- Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Hàng Không Sân Bay Tân Sơn Nhất	3.790.000	1.699.000
- Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Dưỡng Máy Bay Cảng Hàng Không Miền Nam	4.270.000	4.270.000
Phải trả khác		
- Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	-	16.717.959.861

Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và thu nhập Ban Tổng Giám Đốc và Kế toán trưởng

	Năm 2015 VND	Từ 06/01/2014 đến 31/12/2014 VND
Thù lao HĐQT và BKS	636.000.000	-
Thu nhập của Ban Tổng Giám Đốc và Kế toán trưởng	6.456.722.295	2.472.029.697

34.2 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào khác phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp tổng hợp mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

34.3 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám Đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty.

34.4 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

35.1 Theo biên bản về xử lý các khoản nộp ngân sách theo Biên bản kiểm tra thuế 2014 ngày 20 tháng 05 năm 2015; Biên bản kiểm tra quyết toán tiền thu về cổ phần hóa, chi phí cổ phần hóa, xác định giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển đổi sở hữu của Công ty ngày 22 tháng 05 năm 2015 và Biên bản Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014 của Kiểm toán Nhà nước, Công ty đã xác định và điều chỉnh một số chỉ tiêu đầu năm trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp, cụ thể:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Khoản mục	Mã số	Số dư tại 31/12/2014 trước KTNN VND	Số dư tại 31/12/2014 sau KTNN VND	Chênh lệch VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**	**347.825.872.033**	**346.528.331.930**	**(1.297.540.103)**
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	210.659.059.661	210.659.059.914	253
Tiền	111	189.889.991.477	189.889.991.730	253
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	100.055.416.235	99.027.639.748	(1.027.776.487)
Phải thu ngắn hạn khác	136	33.166.231.112	32.138.454.625	(1.027.776.487)
Tài sản ngắn hạn khác	150	16.205.547.404	15.935.783.535	(269.763.869)
Thuế GTGT được khấu trừ	152	16.134.091.239	15.875.622.104	(258.469.135)
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11.294.734	-	(11.294.734)
TỔNG TÀI SẢN	**270**	**452.431.684.855**	**451.134.144.752**	**(1.297.540.103)**
NỢ PHẢI TRẢ	**300**	**311.924.387.207**	**310.626.144.752**	**(1.298.242.455)**
Nợ ngắn hạn	**310**	**311.924.387.207**	**310.626.144.752**	**(1.298.242.455)**
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.526.510.011	4.798.839.991	272.329.980
Phải trả người lao động	314	61.606.677.910	76.157.623.203	14.550.945.293
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14.699.600.778	-	(14.699.600.778)
Phải trả ngắn hạn khác	319	212.573.447.651	185.559.760.340	(27.013.687.311)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	-	25.591.770.361	25.591.770.361
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**140.507.297.648**	**140.508.000.000**	**702.352**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**140.507.297.648**	**140.508.000.000**	**702.352**
Vốn góp của chủ sở hữu	411	140.507.297.648	140.508.000.000	702.352
TỔNG NGUỒN VỐN	**440**	**452.431.684.855**	**451.134.144.752**	**(1.297.540.103)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu năm 2014 trước KTNN VND	Số liệu năm 2014 sau KTNN VND	Chênh lệch VND
Giá vốn hàng bán	11	342.571.801.743	342.423.146.258	(148.655.485)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35.249.534.875	35.497.504.010	247.969.135
Chi phí khác	32	196.518.247	273.686.779	77.168.532
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22.284.966.506	22.284.380.888	(585.618)

35.2 Như được nêu tại Thuyết minh số 3.1, Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Do có sự thay đổi trong chế độ kế toán doanh nghiệp nên một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp đã được trình bày lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay như sau:

Khoản mục	Mã số	Tại 31/12/2014 theo QĐ 15/2006 VND	Tại 01/01/2015 theo TT 200/2014 VND
Bảng cân đối kế toán tổng hợp			
Đầu tư ngắn hạn	121	14.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	14.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	32.138.454.625	13.538.454.625
Phải thu dài hạn khác	216	-	18.600.000.000

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc
Đặng Thị Minh Nguyệt	Phùng Danh Nguyên	Nguyễn Đình Hùng

Xác nhận của đại diện theo pháp luật
của Công ty

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đình Hùng